

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP HAPULICO

*Giấy chứng nhận
ĐKDN số:*

0100382419, đăng ký lần đầu ngày 01/08/1996, đăng ký thay đổi
lần thứ 19 ngày 05/08/2025 Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Tài
chính tỉnh Hưng Yên cấp.

Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Đông Khúc, Xã Nghĩa Trụ, Tỉnh Hưng yên, Việt Nam.

Điện thoại:

022 1399 7739

Fax: 022 1399 7738

Website:

<https://litec.com.vn/>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Tô Thị Thúy Hồng

Chức vụ: Kế toán trưởng

Số điện thoại:-- (024) 6287 96 96

MỤC LỤC

CÁC KHÁI NIỆM.....	5
I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	6
1. Thông tin chung về Công ty	6
2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty:.....	6
2.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty	6
2.2. Ngày Công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng.....	8
2.3. Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng quy định Công ty đại chúng theo quy định	8
2.4. Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm nộp hồ sơ công ty đại chúng gần nhất.....	8
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty	8
4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	9
5. Giới thiệu về quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ của Công ty	14
6. Cơ cấu cổ đông	24
6.1. Cơ cấu cổ đông Công ty.....	24
6.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần Công ty	24
6.3. Danh sách cổ đông sáng lập.....	25
7. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đăng ký giao dịch, những công ty mà công ty đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đăng ký giao dịch.....	25
7.1. Danh sách công ty mẹ của Công ty:	25
7.2. Danh sách công ty con của Công ty.....	25
7.3. Danh sách công ty liên doanh, liên kết của Công ty.....	26
8. Hoạt động kinh doanh.....	26
5.1. Các sản phẩm kinh doanh:	27
5.2. Quy trình sản xuất và kiểm soát chất lượng	36
9. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Công ty trong năm gần nhất và trong kỳ gần nhất ..	40
10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	44
10.1. Vị thế của Công ty trong ngành.....	44
10.2. Triển vọng phát triển của ngành.....	44
11. Chính sách đối với người lao động.....	45
11.1. Số lượng người lao động trong Công ty	45
11.2. Chính sách lương, thưởng và phúc lợi	46
12. Chính sách cổ tức.....	46
13. Tình hình tài chính.....	47
13.1. Tình hình hoạt động kinh doanh.....	47
13.2. Trích khấu hao Tài sản cố định	48

13.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:	48
13.4. Các khoản phải nộp theo luật định:	48
13.5. Trích lập các quỹ	49
13.6. Hàng tồn kho:	49
13.7. Tình hình nợ phải trả của Công ty	49
13.8. Tình hình các khoản phải thu của Công ty	50
13.9. Đầu tư tài chính	50
14. Tài sản	51
15. Các dự án của Công ty	52
16. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	52
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...)	53
18. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.	54
19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty (nếu có).....	55
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY	56
1. Hội đồng quản trị	56
2. Ban Kiểm soát.....	63
3. Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác	66
4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty	69
5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:	70
6. Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định (<i>các giao dịch liên quan phát sinh trong năm và kỳ gần nhất</i>)	81
III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH, CAM KẾT CỦA CÔNG TY	83
1. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản công bố thông tin công ty đăng ký giao dịch.....	83
1.1. Tổ chức Đăng ký giao dịch.....	83
1.2. Tổ chức Tư vấn hồ sơ	83
2. Cam kết của công ty.....	83
IV. NGÀY THÁNG NĂM, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	84
PHỤ LỤC	85

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 31/03/2025	24
Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần Công ty tại ngày 31/03/2025	24
Bảng 3. Cơ cấu doanh thu Công ty giai đoạn 2023-2024	40
Bảng 4. Cơ cấu chi phí Công ty giai đoạn 2023-2024	41
Bảng 5. Cơ cấu lợi nhuận Công ty giai đoạn 2023-2024	42
Bảng 6. Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/06/2025.....	45
Bảng 7. Tình hình hoạt động kinh doanh Công ty trong giai đoạn 2023 - 2024.....	47
Bảng 8. Nghĩa vụ thuế và các khoản nộp, phải thu Nhà nước	48
Bảng 9. Tình hình trích lập các quỹ	49
Bảng 10. Hàng tồn kho.....	49
Bảng 11. Các khoản nợ phải trả của Công ty	49
Bảng 12. Các khoản phải thu của Công ty	50
Bảng 13. Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2024.....	51
Bảng 14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2025.....	52

CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc cụm từ, chữ cái viết tắt trong Bản Tóm tắt thông tin này có nghĩa như sau:

- Công ty/Công nghiệp : Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico Hapulico/Litec
- CTCP : Công ty cổ phần
- BCTC : Báo cáo tài chính
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- DTT : Doanh thu thuần
- CMND/CCCD : Chứng minh nhân dân/ Căn cước Công dân
- ĐKDN : Đăng ký doanh nghiệp
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- VDL : Vốn điều lệ
- CBNV : Cán bộ nhân viên
- TSCĐ : Tài sản cố định
- Luật Doanh nghiệp : Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.

Những từ ngữ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản luật khác có liên quan.

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**1. Thông tin chung về Công ty**

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP HAPULICO**

Tên tiếng anh: HAPULICO INDUSTRY JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: HAPULICO INDUSTRY.,JSC

Trụ sở chính: Thôn Đông Khúc, Xã Nghĩa Trụ, Tỉnh Hưng yên, Việt Nam.

Điện thoại: 022 1399 7737

Fax: 022 1399 7738

Giấy ĐKDN: 0100382419, đăng ký lần đầu ngày 01/08/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 05/08/2025 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cấp.

Đại diện theo pháp luật: **Ông La Quý Hưng – Tổng Giám đốc**

Ngành nghề kinh doanh chính: - Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng (Mã ngành: 2740)
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (Mã ngành 2551)

❖ Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Mã chứng khoán: HPO
- Tổng số lượng chứng khoán ĐKGD: 5.807.417 cổ phần
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của TCĐKGD (nếu có): Không có
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty là 0% (theo văn bản số 8257/UBCK-PTTT ngày 05/12/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước).

2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty:**2.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty**

Hapulico Industry JSC là tên viết tắt của Công ty cổ phần Công nghiệp Hapulico. Tiền thân là Công ty cổ phần Điện - Chiếu sáng (Litec.,JSC), được thành lập từ năm 1996 tại thành phố Hà Nội với số điều lệ đăng ký là 2.000.000.000 (Hai tỷ đồng). Những năm đầu mới thành

lập, công ty chuyên về sản xuất các chi tiết sản phẩm kỹ thuật cao với thương hiệu LITEC®, dùng để lắp ráp trong các bộ đèn chiếu sáng đường phố.

Năm 2000, bên cạnh việc tiếp tục duy trì việc sản xuất các chi tiết sản phẩm kỹ thuật, nhằm để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng trưởng quy mô doanh thu và lợi nhuận, Công ty bắt đầu sản xuất các loại cột thép chiếu sáng công cộng mạ kẽm nhúng nóng. Cụ thể, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 4.200.000.000 VNĐ, bằng hình thức phát hành cổ phiếu phổ thông, với đối tượng là cổ đông hiện hữu, mục đích là để đầu tư dây nhà máy và dây chuyền sản xuất mới, qua nguồn vốn từ đợt phát hành tăng vốn.

Tới năm 2004, Công ty tiếp tục tăng vốn điều lệ lên mức 10.000.000.000 VNĐ để tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, phát triển các sản phẩm chiếu sáng công cộng, các thiết bị đô thị, xây lắp công trình chiếu sáng công cộng, khuôn viên công viên, vườn hoa, thiết kế hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống tín hiệu giao thông.

Năm 2007, nhằm đưa Công ty phát triển mạnh theo hướng hoàn thiện hơn nữa các sản phẩm truyền thống, đồng thời phát triển mở rộng kinh doanh đa ngành nghề để đáp ứng hội nhập Quốc tế. Công ty tiếp tục tăng vốn điều lệ Công ty lên 20.266.950.000 VNĐ thông qua chào bán cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu, CBCNV.

Tháng 6/2009, Công ty chuyển trụ sở chính từ Hà Nội về Hưng Yên và đồng thời đổi tên mới thành Công ty cổ phần Công nghiệp Hapulico và vẫn giữ nguyên logo thương hiệu LITEC® cho đến nay. Công ty đã đầu tư một nhà máy hiện đại tại Hưng Yên với diện tích lên tới 50.791m², nhà máy đồng bộ với hệ thống giao thông nội bộ, kho bãi ngoài trời nhà xưởng và khu phụ trợ... Trong đó bao gồm hơn 25.000m² nhà xưởng công nghiệp, đã trang bị đồng bộ dây chuyền các máy móc thiết bị công nghiệp hiện đại dùng để các sản phẩm phục vụ cho các công trình chiếu sáng đô thị, chiếu sáng đường phố công cộng, chiếu sáng sân vườn, chiếu sáng ngoài trời.

Năm 2010, Công ty tiếp tục phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ Công ty lên 34.453.800.000 VNĐ thông qua thực hiện các thủ tục đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Năm 2013, Vốn điều lệ của LITEC tiếp tục được tăng lên 58.074.170.000 VNĐ thông qua việc chào bán cổ phiếu ra công chúng, thực hiện với UBCKNN. Mức vốn điều lệ này vẫn được giữ nguyên cho tới thời điểm hiện tại.

Sản phẩm của Công ty cung cấp chủ yếu cho các đối tác lớn như Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng sản xuất và thương mại An Việt, Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Hồng Đại Phát, Công ty cổ phần thương mại và phát triển đô thị Việt Nam,... Ngoài ra LITEC còn thực hiện xuất khẩu các sản phẩm tới các đối tác tại nước ngoài như Công ty Bonnel supply ply limited – Úc, Công ty IBEX International limited – Venezuela,...

2.2. Ngày Công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng

Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng từ ngày 30/07/2007 theo Công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2.3. Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng quy định Công ty đại chúng theo quy định

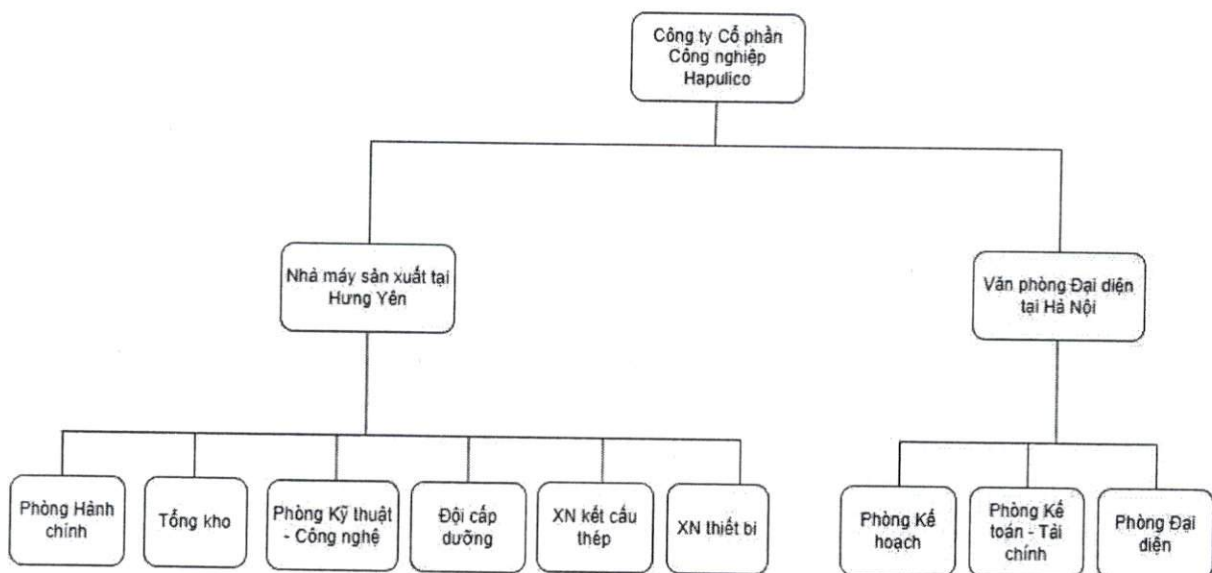
- Vốn điều lệ: 20.266.950.000 đồng.
- Tổng số lượng cổ đông: 573 cổ đông.
- Số lượng cổ đông không phải cổ đông lớn: 573 cổ đông.
- Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: 2.026.695 cổ phiếu (tương ứng tỷ lệ 100%).

2.4. Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm nộp hồ sơ công ty đại chúng gần nhất

Không có thay đổi.

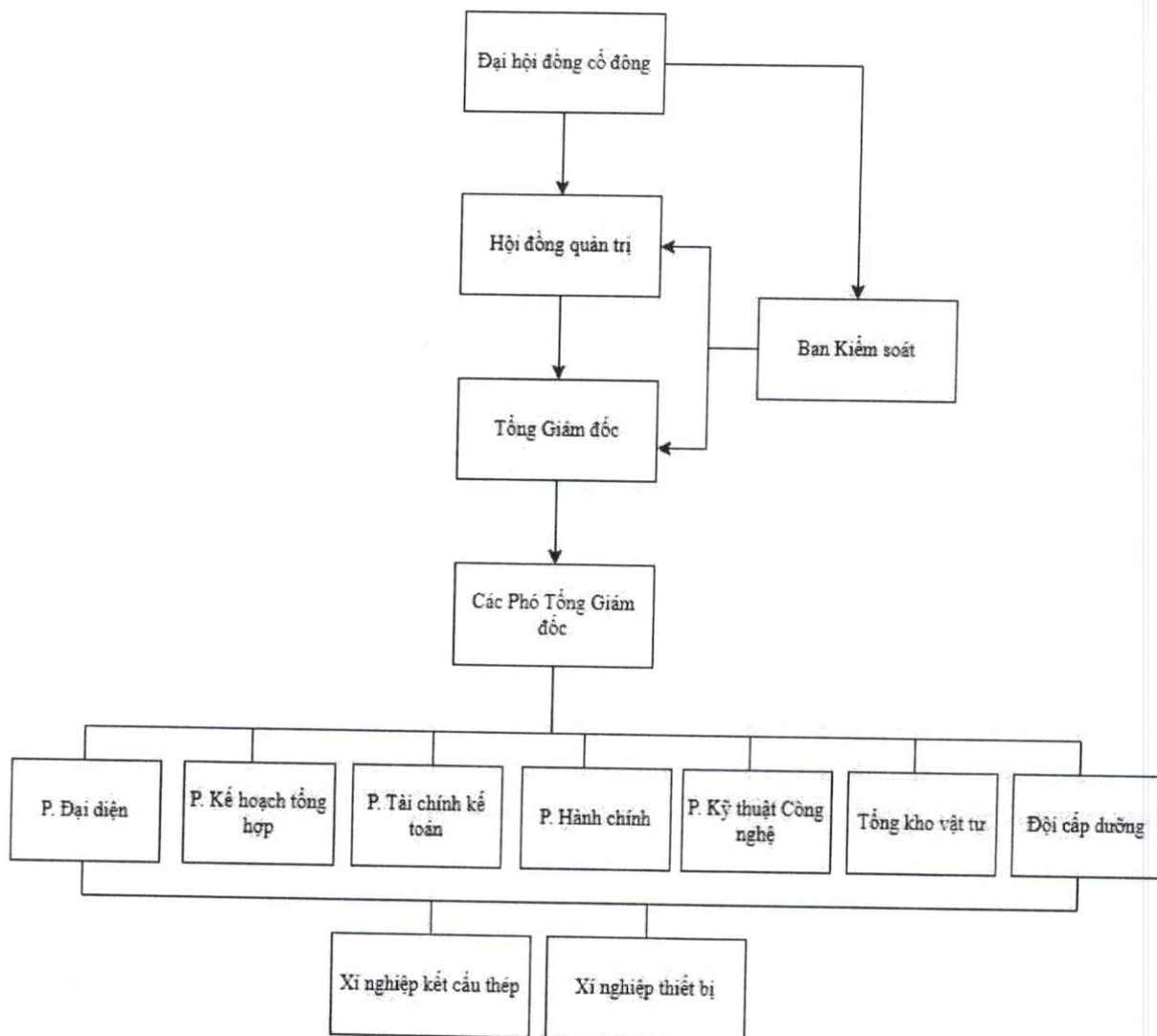
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico hiện không có Công ty con, công ty liên kết và chi nhánh. Công ty có 01 (một) nhà máy sản xuất tại tỉnh Hưng Yên và 01 (một) văn phòng đại diện tại thành phố Hà Nội.



(Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico)

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico)

Diễn giải cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Các phòng ban chuyên môn thuộc Công ty;
- Các xí nghiệp.

Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất Công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu

đều được tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở

Việt Nam do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được luật pháp và điều lệ Công ty quy định.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của công ty hiện nay bao gồm các thành viên sau:

STT	Tên	Chức danh
1	Ông Trần Hậu Phượng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông La Quý Hưng	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
3	Ông Phạm Đức Quang	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Lê Thanh Hiền	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	Thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, chịu trách nhiệm triển khai các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị có quyền quyết định và thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế và tuân theo nguyên tắc kế thừa.

Ban Kiểm soát

Ban Ban Kiểm soát của công ty bao gồm các nhân sự như sau:

STT	Tên	Chức danh
1	Ông Lê Anh Sơn	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Lại Thị Bích Hoàn	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Ông Nguyễn Chiến Thắng	Thành viên Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có 03 thành viên. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Ban Kiểm soát là cổ đông trong Công ty, do

Đại hội đồng cổ đông bầu trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín. Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát của Đại hội đồng cổ đông, có quyền kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của công ty bao gồm các nhân sự như sau:

STT	Tên	Chức danh
1	Ông La Quý Hưng	Tổng Giám đốc
2	Ông Lê Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Phạm Đức Quang	Phó Tổng Giám đốc

➤ Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật và chịu trách nhiệm điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, đồng thời báo cáo và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị (HĐQT). Tổng Giám đốc có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), xây dựng và trình duyệt kế hoạch kinh doanh, tài chính hàng năm và dài hạn.

Tổng Giám đốc có quyền quyết định các vấn đề không thuộc thẩm quyền của HĐQT, ký kết hợp đồng tài chính – thương mại, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo luật, điều lệ và thông lệ quản trị tốt. Đồng thời, Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề xuất, tham khảo và tổ chức thực hiện công tác nhân sự, bao gồm cả việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, trả lương và các chế độ cho cán bộ quản lý và người lao động theo đúng thẩm quyền.

Ngoài ra, Tổng Giám đốc còn thực hiện các hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả điều hành và quản trị doanh nghiệp, chuẩn bị báo cáo tài chính dự kiến, thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty, các quy chế nội bộ và hợp đồng lao động đã ký.

➤ Phó Tổng Giám đốc I

Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc quản lý điều hành Phòng kế hoạch tổng hợp, điều hành kế hoạch sản xuất tại nhà máy, phụ trách kinh doanh, bán hàng, mở rộng thị trường, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc và trước Pháp luật về lĩnh vực mình được phân công phụ trách.

➤ Phó Tổng Giám đốc II

Phó Tổng Giám Đốc là người giúp Tổng Giám Đốc điều hành phòng Hành chính tổng hợp, phụ trách công tác an toàn vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, bảo lụt, an ninh tại khu vực nhà máy sản xuất. Ngoài ra, Phó tổng giám đốc còn điều hành công tác điện, nước, tổ chức nấu ăn giữa ca, chăm lo cho đời sống cán bộ công nhân viên ngày một cải thiện tốt hơn.

Phó Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm trước tịch HĐQT, Tổng Giám đốc và trước Pháp luật về lĩnh vực mình được phân công phụ trách.

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng của Công ty hiện nay là:

STT	Tên	Chức danh
1	Bà Tô Thị Thúy Hồng	Kế toán trưởng

Kế toán trưởng chịu trách nhiệm toàn diện về hoạt động tài chính – kế toán của Công ty, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và báo cáo trực tiếp cho Tổng Giám đốc. Đồng thời, Kế toán trưởng kiểm soát chặt chẽ tính pháp lý của các chứng từ thu – chi, kịp thời báo cáo những trường hợp không hợp lệ để xử lý.

Chức năng chính bao gồm: xây dựng kế hoạch tài chính – kế toán hàng năm, tổ chức khóa sổ kế toán và lập báo cáo tài chính đúng hạn; phân công công việc, kiểm tra giám sát nội bộ phòng kế toán; phối hợp với các đơn vị khác trong Công ty và đại diện phòng kế toán trong công tác đối ngoại.

Ngoài ra, Kế toán trưởng ký xác nhận các chứng từ, báo cáo trước khi trình Tổng Giám đốc; trực tiếp quản lý tiền mặt, công nợ, vốn vay ngân hàng và theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh. Người này cũng chịu trách nhiệm kiểm tra dự toán – quyết toán công trình, tham gia nghiệm thu thanh quyết toán các dự án lớn, và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định của Bộ Tài chính đối với chức danh Kế toán trưởng.

Các phòng ban chức năng của Công ty

➤ Phòng hành chính tổng hợp

Phụ trách quản lý cơ sở vật chất, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, đảm bảo an ninh – an toàn, điện nước – thông tin liên lạc, công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và lưu trữ hồ sơ. Đồng thời thực hiện các nhiệm vụ hành chính do Tổng Giám đốc giao.

➤ Phòng tài chính - kế toán

Tham mưu cho lãnh đạo về chiến lược tài chính; tổ chức quản lý toàn bộ hoạt động tài chính – kế toán, lập báo cáo tài chính, phân bổ và kiểm soát nguồn vốn. Thực hiện dự báo, phân tích số liệu tài chính và theo dõi quỹ lương, tiền thưởng để hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh.

➤ Phòng kế hoạch tổng hợp

Tham mưu cho Tổng Giám đốc định hướng chiến lược, xây dựng kế hoạch SXKD dài hạn và ngắn hạn; triển khai giao kế hoạch cho các đơn vị; tham gia ký kết hợp đồng, đấu thầu, phát triển đối tác và thị trường; kiểm tra định mức, giá thành sản phẩm hàng tháng.

➤ Văn phòng đại diện

Là cơ quan đại diện của Công ty, không có chức năng kinh doanh. Thực hiện tham mưu cho Tổng Giám đốc trong các mảng hành chính, tổ chức, nhân sự, tiền lương, chính sách lao động – bảo hiểm, đào tạo, thi đua – khen thưởng, cải tiến tổ chức và quản lý hoạt động thường xuyên của Công ty tại địa bàn phụ trách.

➤ *Tổng kho vật tư*

Quản lý toàn bộ vật tư, bán thành phẩm, thành phẩm và tài sản tại nhà máy. Hỗ trợ kiểm soát trọng lượng, số lượng và chủng loại hàng đi mại; tham mưu công tác quản lý kho, chống thất thoát hiệu quả.

➤ *Đội cấp dưỡng*

Tổ chức bếp ăn tập thể đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm, nâng cao sức khỏe người lao động. Giám sát quy trình mua – chế biến – bảo quản thực phẩm và tham mưu cải thiện chất lượng bữa ăn ca.

➤ *Phòng kỹ thuật- công nghệ*

Xây dựng giá thành, định mức sản phẩm, hỗ trợ mua vật tư sản xuất. Tham gia xây dựng quy trình kỹ thuật, định mức nguyên vật liệu và đơn giá nhân công; hỗ trợ Phó Tổng Giám đốc trong công tác thu mua vật tư, dụng cụ, hàng hóa phục vụ sản xuất.

✓ *Xí nghiệp kết cấu thép:*

Đơn vị trực thuộc chuyên gia công, chế tạo sản phẩm cơ khí theo đơn hàng. Tổ chức sản xuất, thiết lập định mức lao động, kiểm soát chất lượng, thực hiện ISO 9001:2008, Kaizen – 5S. Báo cáo sản xuất, phối hợp đào tạo và thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật – thiết kế theo yêu cầu.

✓ *Xí nghiệp Thiết bị*

Đảm nhiệm chế tạo, lắp ráp đèn chiếu sáng công cộng, các sản phẩm nhựa, composite và kết cấu thép phục vụ chiếu sáng đô thị. Quản lý thiết bị, bảo trì máy móc, thực hiện quy trình ISO 9001, đảm bảo tiến độ và chất lượng, góp phần nâng cao uy tín sản phẩm trong nước và quốc tế.

5. Giới thiệu về quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ của Công ty

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ sau phát hành (triệu đồng)	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm/giảm đi (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Mục đích tăng vốn
1	01/08/1996	760	760	Các cổ đông sáng lập góp vốn thành lập DN	Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 060410 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/08/1996. Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc góp vốn thành lập doanh nghiệp	Góp vốn thành lập công ty
2	09/05/1997	2.000	1.240	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 060410 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/08/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09/05/1997 Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc phát hành cho cổ đông hiện hữu.	Đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh Bổ sung vốn lưu động công ty
3	07/06/2000	4.220	2.220	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 060410 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/08/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07/06/2000.	Đầu tư nhà máy và dây chuyền sản xuất mới

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ sau phát hành (triệu đồng)	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm/giảm đi (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Mục đích tăng vốn
					Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc phát hành cho cổ đông đồng hiện hữu.	
4	06/07/2004	10.000	5.780	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 060410 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/08/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06/07/2004 Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc phát hành cho cổ đông đồng hiện hữu	Đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh Bổ sung vốn lưu động công ty
5	16/07/2007 (*)	20.266,95	10.266,95	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 060410 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/08/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 16/07/2007. Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc phát hành cho cổ đông đồng hiện hữu Giấy chứng nhận chào bán ra công chúng do UBCKNN cấp. Báo cáo kết quả phát hành số 35/CTCP ngày 28/10/2007 của LITEC	Đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh Bổ sung vốn lưu động công ty
6	09/04/2010	34.453,8	14.186,85	Phát hành cho cổ đông hiện	Giấy chứng nhận Đăng ký doanh	Góp vốn đầu tư và thành lập

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ sau phát hành (triệu đồng)	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm/giảm đi (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Mục đích tăng vốn
				hữu	ngiệp số 0100382419, đăng ký thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 09/04/2010. Nghị quyết ĐHĐCĐ số 14/NQ-HĐCĐ-LITEC ngày 14/11/2009 Giấy chứng nhận chào bán ra công chúng số 495/UBCK-GCN ngày 18/01/2010 do UBCKNN cấp Báo cáo kết quả phát hành ngày 30/03/2010 của LITEC	Công ty Cổ phần đầu tư bất động sản Hapulico
7	28/11/2013	58.074,17	23.620,37	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100382419, đăng ký thay đổi lần thứ 15 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 28/11/2013 Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2013/NQ-HĐCĐ-HPLIDT ngày 25/05/2013 Giấy chứng nhận chào bán ra công chúng số 40/GCN-UBCK ngày 05/09/2013 của UBCKNN cấp. Báo cáo kết quả phát hành số	Đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất tăng cường năng lực sản xuất của công ty Bổ sung vốn lưu động công ty

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ sau phát hành (triệu đồng)	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm/giảm đi (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Mục đích tăng vốn
					58/2013/CV-HPLIDT 21/11/2013 của LITEC	ngày

Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico

(*) Thời điểm Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico trở thành Công ty đại chúng. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm này là 20.266.950.000 đồng (Hai mươi tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Lần 1: Góp vốn thành lập Công ty

- Vốn điều lệ thành lập: 760.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận: Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội
- Hình thức phát hành: Các cổ đông sáng lập góp vốn thành lập DN
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không có
- Số lượng phát hành: 76.000 cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)
- Thời gian hoàn thành: 01/08/1996
- Mục đích: Góp vốn thành lập Công ty
- Cơ sở pháp lý:
 - + Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 060410 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/08/1996

- + Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc góp vốn thành lập doanh nghiệp

Lần 2: Tăng vốn từ 760.000.000 đồng lên 2.000.000.000 đồng

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 760.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 2.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Cơ quan chấp thuận: Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không có
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Số lượng phát hành: 124.000 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)
- Thời gian hoàn thành: 09/05/1997
- Mục đích tăng vốn:
 - + Đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh
 - + Bổ sung vốn lưu động công ty
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:
 - + Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 060410 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/08/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09/05/1997.
 - + Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc phát hành cho cổ đông hiện hữu.

Lần 3: Tăng vốn từ 2.000.000.000 đồng lên 4.220.000.000 đồng

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 2.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 4.220.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Cơ quan chấp thuận: Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không có
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Số lượng phát hành: 222.000 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)
- Thời gian hoàn thành: 07/06/2000
- Mục đích tăng vốn: Đầu tư nhà máy và dây chuyền sản xuất mới
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:
 - + Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 060410 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/08/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07/06/2000.
 - + Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc phát hành cho cổ đông hiện hữu.

Lần 4: Tăng vốn từ 4.220.000.000 đồng lên 10.000.000.000 đồng

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 4.220.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 10.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Cơ quan chấp thuận: Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không có

- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Số lượng phát hành: 578.000 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)
- Thời gian hoàn thành: 06/07/2004
- Mục đích tăng vốn: Đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:
 - + Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 060410 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/08/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06/07/2004
 - + Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc phát hành cho cổ đông hiện hữu

Lần 5: Tăng vốn từ 10.000.000.000 đồng lên 20.266.950.000 đồng

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 10.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 20.266.950.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Cơ quan chấp thuận: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không có
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Số lượng phát hành: 1.026.695 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)
- Thời gian hoàn thành: 28/10/2007
- Mục đích tăng vốn:

- + Đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh
- + Bổ sung vốn lưu động công ty
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:
 - + Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 060410 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/08/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 16/07/2007
 - + Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc phát hành cho cổ đông hiện hữu
 - + Giấy chứng nhận chào bán ra công chúng do UBCKNN cấp
 - + Báo cáo kết quả phát hành số 35/CTCP ngày 28/10/2007 của LITEC

Lần 6: Tăng vốn từ 20.266.950.000 đồng lên 34.453.800.000 đồng

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 20.266.950.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 34.453.800.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10:7 (sở hữu 10 cổ phiếu của Công ty thì được mua 07 cổ phiếu mới)
- Cơ quan chấp thuận: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không có
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Số lượng phát hành: 1.418.685 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)
- Thời gian hoàn thành: 30/03/2010
- Mục đích tăng vốn: Góp vốn đầu tư và thành lập Công ty Cổ phần đầu tư bất động sản Hapulico
- Phương án tăng vốn:

- + Vốn góp 8% VDL của Hapulicores: 8.800.000.000 đồng
- + Hỗ trợ Công ty TNHH Nhà nước MTV Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị góp vốn điều lệ Công ty Hapulicores: 4.738.461.125 đồng
- + Hỗ trợ vốn và di dời giải phóng mặt bằng: 5.600.000.000 đồng
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:
 - + Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100382419, đăng ký thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 09/04/2010
 - + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 14/NQ-HĐCĐ-LITEC ngày 14/11/2009
 - + Giấy chứng nhận chào bán ra công chúng số 495/UBCK-GCN ngày 18/01/2010 do UBCKNN cấp
 - + Báo cáo kết quả phát hành ngày 30/03/2010 của LITEC

Lần 7: Tăng vốn từ 34.453.800.000 đồng lên 58.074.170.000 đồng

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 34.453.800.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 58.074.170.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ 100:27 (cổ đông sở hữu 100 cổ phần sẽ được nhận thêm 27 cổ phần mới) và phát hành cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 100:47 (cổ đông sở hữu 100 cổ phần sẽ được nhận thêm 47 cổ phần mới)
- Cơ quan chấp thuận: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không có
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Số lượng phát hành: 2.362.037 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)
- Thời gian hoàn thành: 21/11/2013

- Mục đích tăng vốn:
 - + Đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất tăng cường năng lực sản xuất của công ty
 - + Bổ sung vốn lưu động công ty
- Phương án tăng vốn:
 - + Đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị cốt lõi: 15.000.000.000 đồng
 - + Bổ sung vốn lưu động: 7.670.606.000 đồng
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:
 - + Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100382419, đăng ký thay đổi lần thứ 15 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 28/11/2013
 - + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2013/NQ-HĐCĐ-HPLIDT ngày 25/05/2013
 - + Giấy chứng nhận chào bán ra công chúng số 40/GCN-UBCK ngày 05/09/2013 của UBCKNN cấp
 - + Báo cáo kết quả phát hành số 58/2013/CV-HPLIDT ngày 21/11/2013 của LITEC
- .

6. Cơ cấu cổ đông

6.1. Cơ cấu cổ đông Công ty

Bảng 1. Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 31/03/2025

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %/VĐL
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài	185	5.807.417	100%
1	Trong nước	185	5.807.417	100%
-	Nhà nước	0	0	0
-	Tổ chức	1	257.702	4,44%
-	Cá nhân	184	5.549.715	95,56%
2	Nước ngoài	0	0	0
-	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0
-	Cá nhân	0	0	0
	Tổng cộng	185	5.807.417	100%
II	Cổ đông lớn, cổ đông khác			
-	Cổ đông lớn	5	3.205.466	55,20%
-	Cổ đông khác	180	2.601.951	44,80
	Tổng cộng	185	5.807.417	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico)

6.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần Công ty

Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần Công ty tại ngày 31/03/2025

TT	Họ và tên	Số CMND/CCCD/ĐKDN	Địa chỉ	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ %/VĐL
1	Nguyễn Thị Hương	025167000398	TDP Đông Ngạc 7, Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.	1.417.614	24,41%
2	Trần Hậu Phượng	042070000286	Căn hộ 2008 nhà 24T2 chung cư Hapulico complex số 01 Nguyễn	695.120	11,97%

TT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD/ ĐKDN	Địa chỉ	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ %/VĐL
			Huy Tường, Thanh Xuân, Hà Nội		
3	La Quý Hưng	019062000017	119B tổ 14 Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	300.156	5,17%
4	Phạm Đức Quang	001060027611	Nhà vườn số 8 khu hapulico complex, số 01 Nguyễn Huy Tường, Thanh Xuân, Hà Nội	388.048	6,68%
5	Phạm Thị Hồng Hạnh	001184010177	43 Yên Phụ, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Hà Nội	404.528	6,97%
Tổng cộng				3.205.466	55,20

(Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico)

6.3. Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico có cổ đông sáng lập, bao gồm:

TT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD/ ĐKDN	Địa chỉ	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ %/VĐL
1	Nguyễn Viết Đạt	001076027612	Tổ 9, Đại Từ, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	19.173	0,33%
2	Cty TNHH MTV chiếu sáng & TBĐT	0100106024	Số 1 Nguyễn Đức Thận, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	257.702	4,44%
Tổng cộng				276.875	4,77%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico)

7. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đăng ký giao dịch, những công ty mà công ty đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đăng ký giao dịch.

7.1. Danh sách công ty mẹ của Công ty:

Không có

7.2. Danh sách công ty con của Công ty

Không có.

7.3. Danh sách công ty liên doanh, liên kết của Công ty

Không có.

8. Hoạt động kinh doanh

Công ty Cổ phần công nghiệp Hapulico là một doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực sản xuất kinh doanh thiết bị điện và chiếu sáng nhân tạo; hệ thống các công trình chiếu sáng nhân tạo, đường dây và trạm biến áp dưới 35 KV; sản xuất các sản phẩm gỗ nhân tạo, buôn bán hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng.

Công ty có nhiều thiết bị chuyên dùng, đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật và công nhân chuyên ngành, nhiều kinh nghiệm, thành thạo trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, hệ thống điện chiếu sáng; sản xuất kinh doanh đồ gỗ, tư liệu tiêu dùng, tư liệu sản xuất. Đặc biệt là trong lĩnh vực chiếu sáng. Các mặt hàng Công ty sản xuất đều đạt tiêu chuẩn TCVN của Việt Nam và tiêu chuẩn Quốc tế IEC 598 15982 về đèn chiếu sáng; BS 5649 về cột đèn chiếu sáng.

Trong thời gian gần đây Công ty đã tích cực đầu tư đổi mới công nghệ, trang thiết bị sản xuất, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, đổi mới hệ thống quản lý, tham gia thực hiện nhiều công trình có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đạt tiêu chuẩn chất lượng Quốc tế và được đánh giá cao. Công ty đang tiếp tục phát triển các sản phẩm chiếu sáng công cộng, các thiết bị đô thị, xây lắp công trình chiếu sáng công cộng, khuôn viên công viên, vườn hoa, thiết kế hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống tín hiệu đèn giao thông, sản xuất và buôn bán thiết bị chiếu sáng nội, ngoại thất.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico sở hữu nhà xưởng có diện tích khoảng 50.791 m² đặt tại tỉnh Hưng Yên. Nhà máy Hapulico được đầu tư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và dây chuyền sản xuất, vận hành theo hệ thống quản lý chất lượng **ISO 9001:2015**, đảm bảo mỗi sản phẩm đều đạt tiêu chuẩn kỹ thuật cao nhất.

Nhà máy phân bổ thành nhiều khu vực chức năng như sau:

STT	Khu vực	Diện tích	Chức năng
1	Các nhà xưởng sản xuất (X1, X2, X3, K7)	20.222 m ²	Đây là nơi sản xuất các dòng sản phẩm chủ lực của Hapulico, được trang bị máy móc hiện đại, đáp ứng yêu cầu gia công chính xác và năng suất cao
2	Kho tổng K1	1.053 m ²	Kho đảm bảo lưu trữ an toàn nguyên vật liệu đầu vào cũng như thành phẩm trước

			khi xuất xưởng
3	Khu gia công cơ khí, composite, đúc nhôm (K5,K8)	4.612m ²	Khu vực được bố trí dành riêng cho hoạt động chế tạo các chi tiết phức tạp, yêu cầu kỹ thuật cao trong lĩnh vực cơ khí.
4	Khu hành chính – nhà ăn – nhà vệ sinh – nhà bảo vệ	4.521 m ²	Khu vực làm việc, sinh hoạt văn minh, tiện nghi cho toàn bộ cán bộ công nhân viên
5	Hội trường	692 m ²	Cho thuê
6	Trạm biến áp, hệ thống kỹ thuật phụ trợ	55 m ²	Khu vực ổn định nguồn điện cho toàn bộ dây chuyền sản xuất và vận hành nhà máy
7	Hệ thống hạ tầng đường đường nội bộ	19.636 m ²	Khu vực giao thông nội bộ thuận tiện, kết nối linh hoạt giữa các khu vực sản xuất, kho bãi và vận chuyển, xuất nhập hàng hóa.

5.1. Các sản phẩm kinh doanh:

Công ty thực hiện sản xuất và kinh doanh 3 dòng sản phẩm chủ lực bao gồm:

- **Cột đèn đường:** Sản xuất các loại cột thép chiếu sáng, trụ tín hiệu giao thông, và các kết cấu thép công nghiệp khác. Sản phẩm được chế tạo với kỹ thuật hàn tiên tiến, xử lý bề mặt bền bỉ, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật trong và ngoài nước.

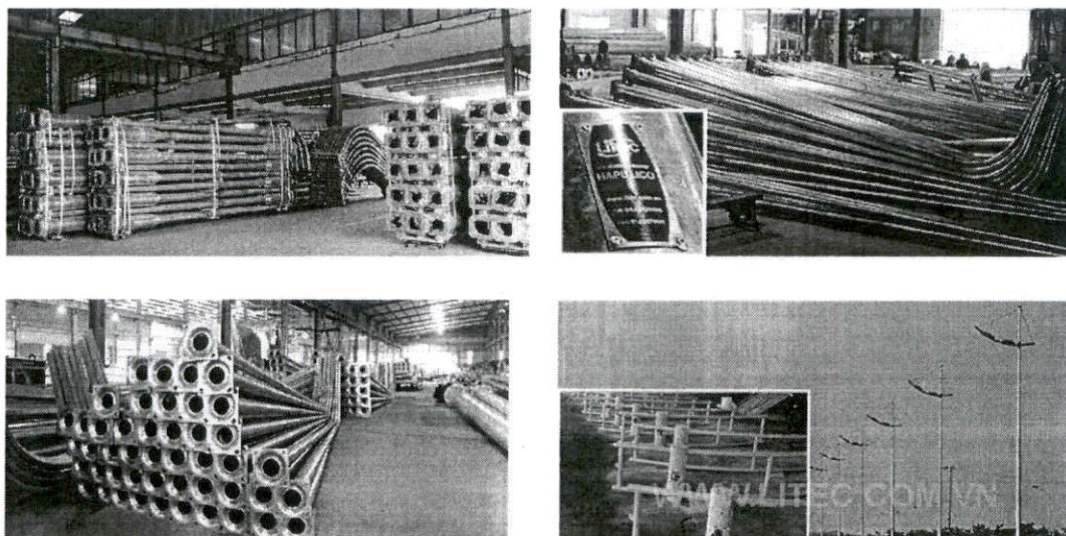
- **Đèn LED chiếu sáng đô thị:** Bao gồm đèn đường LED, đèn sân vườn, đèn pha chiếu sáng công trình với công suất đa dạng, mẫu mã hiện đại, độ bền cao, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường.

- **Sản phẩm cơ khí khác:** Bao gồm các chi tiết gia công cơ khí chính xác, sản phẩm cơ khí tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn được sản xuất theo yêu cầu riêng biệt của từng dự án.

Chi tiết từng dòng sản phẩm như sau:

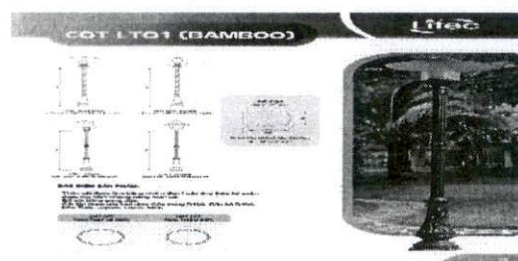
❖ **Cột đèn đường:** Công suất sản xuất trung bình 65.000 cột thép các loại/năm.

- **Cột đèn chiếu sáng:** Các loại cột đèn chiếu sáng cột đèn cao áp thường được làm bằng thép mạ kẽm nhúng nóng bao gồm cột bát giác, cột tròn côn, cột liền hoặc rời cần



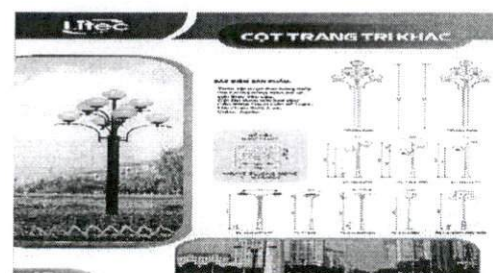
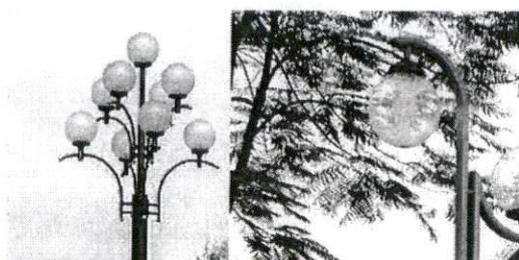
Hình 1. Một số mẫu cột đèn chiếu sáng

- **Cột đèn sân vườn:** Đế cột đèn sân vườn bằng gang hoặc hợp kim nhôm, tay hoa văn bắt đèn chùm được chế tạo bởi hợp kim nhôm đúc, thân cột có thể bằng kim loại đúc hoặc bằng ống thép xoắn mạ kẽm, đặc biệt bề mặt của tất cả các vật đúc đều được làm sạch bởi công nghệ phun bi tạo nền cho độ bám dính của lớp lót luôn ở mức tốt nhất, công đoạn sơn phủ bên ngoài được thực hiện bởi nhiều lớp đảm bảo độ bền cao.



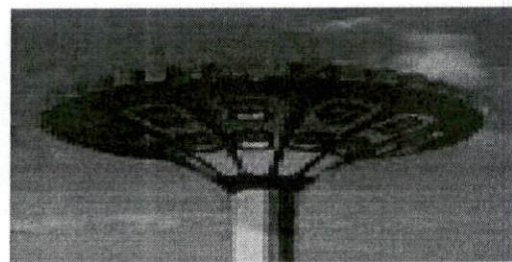
Hình 2. Cột đèn sân vườn

- **Cột đèn trang trí:** Cột đèn trang trí sân vườn kiểu hiện đại được gia công chế tác từ các ống kim loại định hình bởi các thiết bị chuyên dụng. Tất cả các cột chế tạo từ vật liệu thép thông dụng đều được mạ kẽm nhúng nóng để bảo vệ bề mặt, sản phẩm có thể được sơn phủ thêm để tăng tính thẩm mỹ với màu sắc



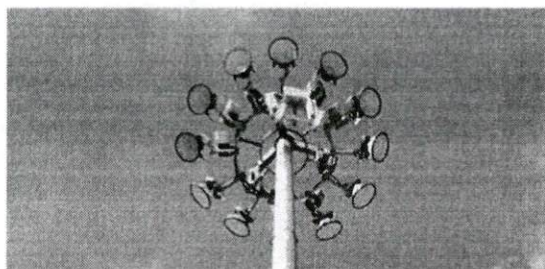
Hình 3. Cột đèn trang trí

- **Cột đèn pha:** Hệ thống giàn lắp đèn chiếu sáng được lắp cố định trên đỉnh cột. Cột được thiết kế riêng biệt khi yêu cầu số lượng đèn nhiều để chiếu sáng các khu vực rộng lớn như sân vận động, trường đua... hoặc được thiết kế chế tạo theo module tiêu chuẩn khi yêu cầu chiếu sáng chỉ cần số lượng đèn ít để chiếu sáng các khu vực vừa nhỏ, khi đó quá trình bảo dưỡng có thể bằng thiết bị chuyên dụng hoặc thang treo.



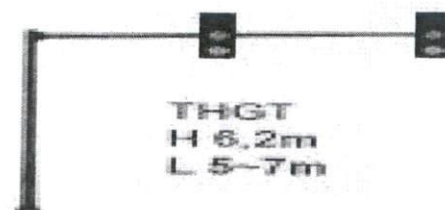
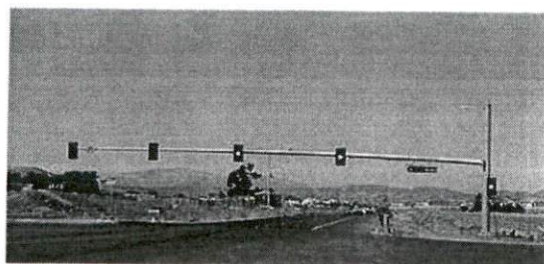
Hình 4. Cột đèn pha

- **Cột giàn đèn nâng hạ:** Kết cấu có bộ tời gắn bên trong thân cột, giàn lắp đèn được nâng lên và hạ xuống rất dễ dàng mà không cần phải thiết bị nâng chuyên dụng nào khác. Hệ thống lấy khoá cơ khí thông minh tự động khoá cứng khi treo giàn ở trên cao, hệ thống cửa cột được thiết kế tinh tế và cực kỳ an toàn. Sản phẩm là sự lựa chọn tối ưu khi thực hiện chiếu sáng các khu vực rộng lớn như quảng trường, sân bay, bến cảng, khu vui chơi giải trí...



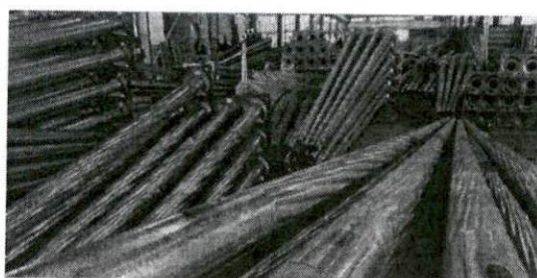
Hình 5. Cột giàn đèn nâng hạ

- **Cột tín hiệu giao thông:** Thân cột và tay xà là các đoạn ống thép côn hình tròn, bát giác hoặc đa giác. Sản phẩm có độ bền cao, kết cấu gọn đẹp, hình thức đơn giản thông thoáng, thi công lắp dựng nhanh chóng, độ vươn tay xà lớn đảm bảo tầm quan sát và nhận biết tốt nhất cho người tham gia giao thông.



Hình 6. Cột tín hiệu giao thông

- **Cột đèn thân xoắn:** Sản phẩm có nhiều đặc tính ưu việt hơn cột đèn đế gang đúc như không bị han gỉ, công nghệ chế tạo sạch thân thiện môi trường, kết cấu gọn nhẹ, dễ dàng vận chuyển lắp đặt, chất lượng bề mặt đẹp, độ bền cao... Cột đèn trang trí để thép mạ kẽm nhúng nóng được sơn màu theo yêu cầu, thiết kế rất đa dạng thích hợp dùng cho chiếu sáng đường phố, chiếu sáng công viên, chiếu sáng vườn hoa, chiếu sáng khu vui chơi giải trí...

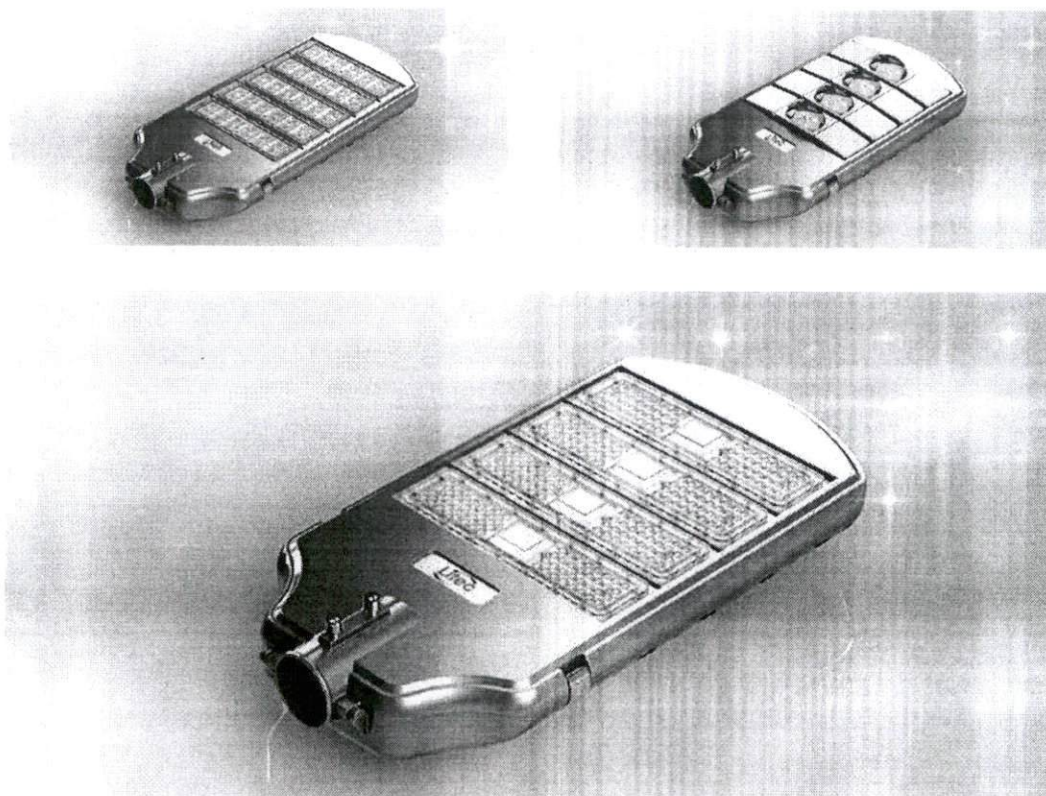


Hình 7. Cột đèn thân xoắn

- ❖ **Đèn đường LED:** Công suất sản xuất trung bình 10.000 đèn LED các loại/năm

- Đèn LED HANNA

- + **Đèn LED HANNA-M48:** HANNA-M48 là dòng sản phẩm đèn LED đường phố HANNA sử dụng nguồn sáng led module M48, một kiểu nguồn sáng LED chuyên dùng chiếu sáng đường phố với nhiều tính năng ưu điểm vượt trội.
- + **Đèn LED HANNA-M36:** HANNA-M36 là dòng sản phẩm đèn đường phố LED HANNA sử dụng nguồn sáng LED module M36, một kiểu nguồn sáng có độ sáng đẹp rực rỡ mà ít chói lóa, rất thích hợp cho chiếu sáng đường phố đô thị.
- + **Đèn LED HANNA-M64:** HANNA-M64 là dòng sản phẩm đèn đường LED HANNA không tích hợp thêm các tính năng điều khiển cao cấp nên có giá bán rất cạnh tranh trong khi vẫn đảm bảo được chất lượng quang học tốt và đặc biệt là phân bố ánh sáng hiệu quả nhờ sử dụng nguồn sáng LED module M64.

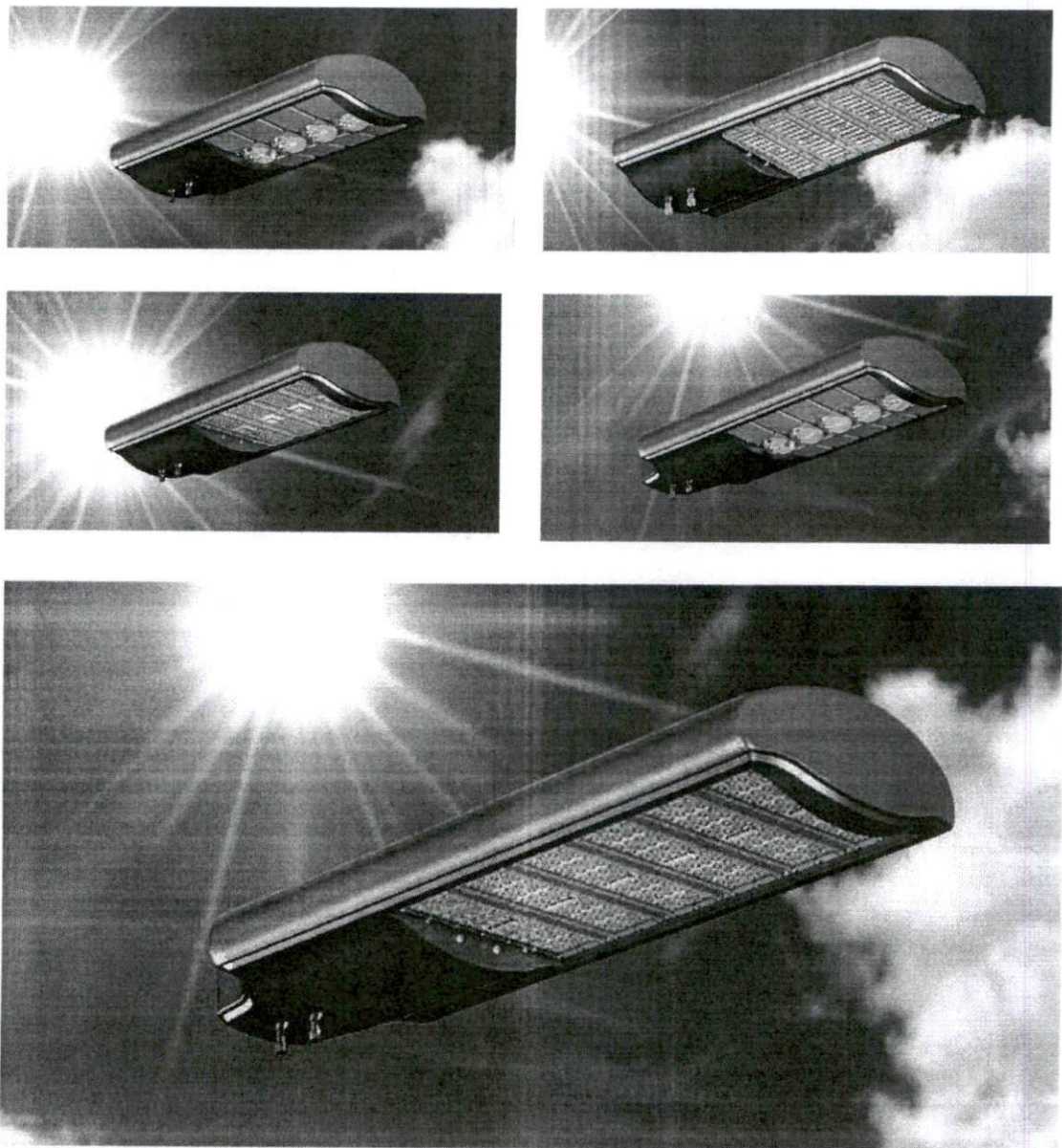


Hình 8. HANNA-M48, HANNA-M36, HANNA-M64

– Đèn LED INEZ

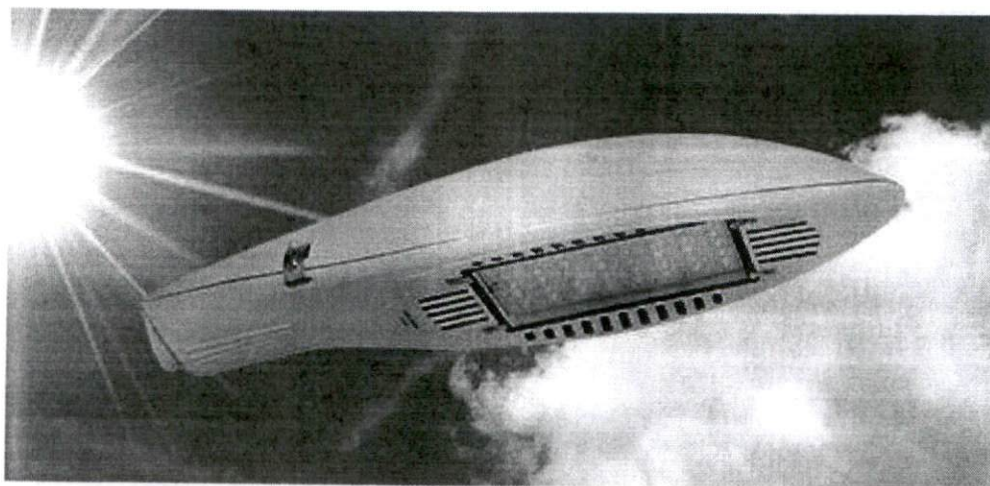
- + Đèn LED INEZ8-M36: INEZ8-M36 là dòng sản phẩm đèn đường phổ LED INEZ8 sử dụng nguồn sáng module-led M36, một kiểu nguồn sáng LED rất thích hợp cho chiếu sáng đường phố đô thị với tính năng nổi bật là có độ sáng đẹp rực rỡ mà ít chói lóa...
- + Đèn LED INEZ8-M48: INEZ8-M48 là dòng sản phẩm đèn đường phổ LED INEZ8 sử dụng nguồn sáng module-led M48, một kiểu nguồn sáng LED có nhiều tính năng ưu điểm vượt trội trong lĩnh vực chiếu sáng đường phố công cộng chiếu sáng đường cao tốc...
- + Đèn LED INEZ8-M64: INEZ8-M64 là dòng sản phẩm đèn đường LED INEZ8 sử dụng nguồn sáng LED module M64 và không tích hợp thêm các tính năng cao cấp như dimming hay điều khiển chiếu sáng thông minh.
- + Đèn LED INEZ9-M36: INEZ9-M36 là dòng sản phẩm đèn đường phổ LED INEZ9 sử dụng nguồn sáng module-led M36, một kiểu nguồn sáng LED rất thích hợp cho chiếu sáng đường phố đô thị với tính năng nổi bật là có độ sáng đẹp rực rỡ mà ít chói lóa
- + Đèn LED INEZ9-M48: INEZ9-M48 là dòng sản phẩm đèn đường phổ LED INEZ9 sử dụng nguồn sáng module-led M48, một kiểu nguồn sáng LED có nhiều

tính năng ưu điểm vượt trội trong lĩnh vực chiếu sáng đường phố công cộng chiếu sáng đường cao tốc...



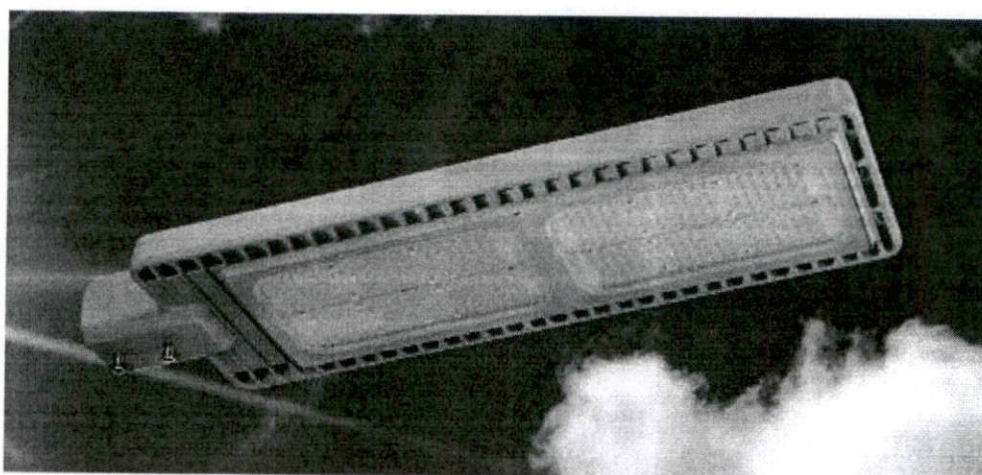
Hình 9. INEZ8-M36, INEZ8-M48, INEZ8-M64, NEZ9-M36, INEZ9-M48

- Đèn LED ANITA: Sản phẩm có 02 cỡ: size 78x30x18cm công suất 40W~97W sử dụng thích hợp cho chiếu sáng đường nhỏ đường ngõ xóm và size 96x36x23cm công suất 100W~189W cho chiếu sáng đường phố đô thị...



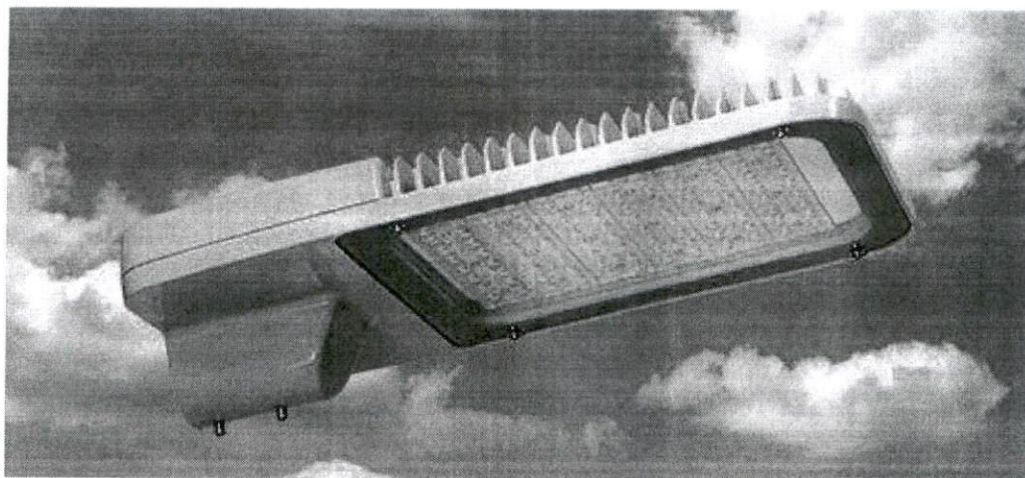
Hình 10. ANITA LED

- **Đèn LED ROSA:** Đèn ROSA LED là giải pháp chiếu sáng hiệu suất cao, được thiết kế để đáp ứng cho tất cả các loại ứng dụng chiếu sáng đường phố ở các đô thị và thành phố lớn.



Hình 11. LED ROSA

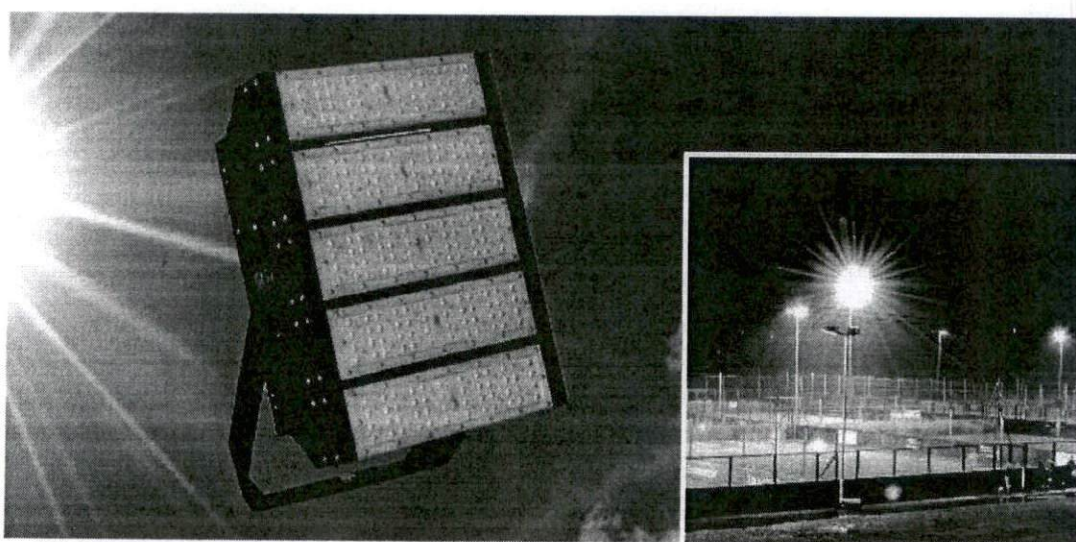
- **Đèn LED GRACE:** Dải công suất rất rộng từ 67W~300W phạm vi sử dụng đa dạng từ chiếu sáng đường nhỏ khu đô thị cho đến chiếu sáng đường phố lớn, đường quốc lộ, đường cao tốc...



Hình 12. LED GRACE

❖ Đèn pha LED

- **Đèn pha 85W-300W DIM:** Dòng sản phẩm đèn pha LED SARA M1-48D dải công suất 85W~340W là lựa chọn thích hợp dùng để chiếu sáng kiến trúc chiếu sáng biển quảng cáo hay chiếu sáng công cộng...



Hình 13. LED SARA M1-48D

- **Đèn pha 175W-680W DIM:** Đèn pha LED SARA M2-48D dải công suất 175W~680W là lựa chọn thích hợp dùng để chiếu sáng sân thể thao chiếu sáng sân bay bến cảng chiếu sáng nút giao thông chiếu sáng công cộng...
- **Đèn pha 100W-400W:** Dòng sản phẩm đèn pha LED SARA M1-64A dải công suất từ 100W-400W là lựa chọn thích hợp dùng để chiếu sáng kiến trúc chiếu sáng biển quảng cáo hay chiếu sáng công cộng...

- **Đèn pha 200W-800W:** Đèn pha LED SARA M2-64A dải công suất 200W~800W là lựa chọn thích hợp dùng để chiếu sáng sân thể thao chiếu sáng sân bay bến cảng chiếu sáng nút giao thông chiếu sáng công cộng...
- **Đèn LED High Bay:**
 - + HighBay LED 150W
 - + HighBay LED 200W
 - + HighBay LED 250W
- ❖ **Các sản phẩm cơ khí khác:** Công suất sản xuất trung bình 20.000 sản phẩm cơ khí các loại/năm.

Bao gồm các chi tiết gia công cơ khí chính xác, sản phẩm cơ khí tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn được sản xuất theo yêu cầu riêng biệt của từng dự án.

5.2. Quy trình sản xuất và kiểm soát chất lượng

a. Đèn pha, đèn chiếu sáng

Công đoạn sản xuất	Chỉ tiêu kiểm soát chất lượng từng công đoạn	Tần xuất	Số lượng Kiểm tra	Tên thiết bị kiểm tra	Phương pháp thử /KT
Nhập phối	- Vỏ đèn: Đủ chi tiết, bề mặt phải nhẵn, bóng, không rỗ nứt, móp méo.... - Ballast, tụ, môi: kết cấu chắc chắn, thông mạch - Bóng: Không nứt vỡ, thông số kỹ thuật theo yêu cầu	100%	10-20%	Mắt, đồng hồ vạn năng	Đo trực tiếp
Vỏ đèn	- Bề mặt sơn đẹp, không bong tróc, móp méo	100%	100%	Mắt	Cảm quan
Buồng quang học	- Kín, đẹp	100%	100%	Mắt	Cảm quan
Bộ điện	- Thiết bị lắp chắc chắn và được thử sáng hoàn toàn	100%	100%	Dây nguồn, bóng	Thử sáng đạt mới thôi
Lắp ráp	- Mối ghép phải được kiểm tra và đấu nối chắc chắn	100%	100%	Dây nguồn, bóng	Cảm quan
Đóng gói	- Kê chèn cẩn thận, xếp đúng hướng	100%	100%	Không áp dụng	Cảm quan
Nhập kho	- Đèn đủ chi tiết, các chi tiết lắp chắc chắn và sáng ổn định	100%	3-5%	Mắt, tovit, dây nguồn, bóng	Siết thử mối ghép, thử sáng

(Nguồn: LITEC)

b. Đèn LED

Công đoạn	Chỉ tiêu	Tần xuất	Số lượng KT	Tên thiết bị kiểm tra	Phương pháp thử /KT
Nhập phối	- Vỏ đèn: Đủ chi tiết, bề mặt phải nhẵn, bóng, không rỗ nứt, móp méo.... - Bản mạch, module led: Sáng đồng bộ, không nứt vỡ, mối ghép chắc chắn - Bộ nguồn: Mối ghép chắc chắn, thông số kỹ thuật theo sản phẩm	100%	10-20%	Mắt, đồng hồ vạn năng	Đo trực tiếp
Vỏ đèn	- Gia công theo bản vẽ - Bề mặt sơn đẹp, không bong tróc	100%	100%	Mắt	Cảm quan
Bản mạch led	- Mối hàn đẹp, thấu kính chắc chắn, sáng đều	100%	100%	Mắt, đồng hồ vạn năng	Đo trực tiếp
Bộ nguồn	- Công suất ra theo yêu cầu	100%	100%	Bộ điều chỉnh, đồng hồ vạn năng, đồng hồ đo công suất	Đo, điều chỉnh đạt yêu cầu
Lắp ráp	- Mối ghép phải được kiểm tra và đấu nối chắc chắn, đấu đúng pha	100%	100%	Dây nguồn, bóng	Cảm quan
Đóng gói	- Kê chèn cẩn thận, xếp đúng hướng	100%	100%	Không áp dụng	Cảm quan
Nhập kho	- Đèn đủ chi tiết, các chi tiết lắp chắc chắn và sáng ổn định, công suất theo yêu cầu	100%	3-5%	Mắt, tovit, dây nguồn, bóng, đồng hồ đo công suất	Siết thử mối ghép, thử sáng, đo

(Nguồn: LITEC)

c. Cột đèn

Công đoạn	Chỉ tiêu	Tần xuất	Số lượng KT	Tên thiết bị kiểm tra	Phương pháp thử /KT
Nhập phôi	- Ngoại quan: Bề mặt phải nhẵn, bóng, không có gân và bavia - Kích thước: Khe hở giữ các mối ghép; Đúng yêu cầu bản vẽ	100%	100%	Không áp dụng	Cảm quan
Bả	- Độ phẳng	100%	100%	Mắt	Đo trực tiếp
Đánh bóng	- Ngoại quan: Bề mặt phải nhẵn, bóng, không có gân và bavia	100%	100%	Không áp dụng	Cảm quan
Sơn lót lần một	- Bề mặt matit phải khô mới được sơn; - Ngoại quan: Lớp sơn phải phủ hết bề mặt cục; Sơn không vón cục, không rỗ trên bề mặt	100%	100%	Không áp dụng	Cảm quan
Sơn lót lần hai	- Tương tự như lần một	100%	100%	Không áp dụng	Cảm quan
Sơn bóng	- Ngoại quan: bề mặt phải nhẵn; Không bị rỗ bề mặt; không vón cục; - Màu sắc phải đúng theo yêu cầu đơn hàng/lệnh sản xuất	100%	100%	Không áp dụng	Cảm quan
Lắp ráp, đóng gói	- Kích thước: theo yêu cầu bản vẽ	100%	3-5%	Thước cặp; Thước met	Đo trực tiếp

(Nguồn: LITEC)

d. Sản xuất sản phẩm cơ khí tiêu chuẩn

Công đoạn	Chỉ tiêu	Tần xuất/số lượng	Tên thiết bị kiểm tra	Phương pháp thử /KT
Cắt phôi	- Theo các yêu cầu của bản vẽ	1- 3 sản phẩm đầu tiên	Thước cặp; Thước mét	Đo trực tiếp trên sản phẩm
Dập tạo hình	- Theo các yêu cầu của bản vẽ	1- 3 sản phẩm đầu tiên	Thước cặp; Thước mét	Đo trực tiếp trên sản phẩm
Hàn kín	- Theo các yêu cầu của bản vẽ	1- 3 sản phẩm đầu tiên	Thước cặp; Thước mét	Đo trực tiếp trên sản phẩm
Nắn cọc	- Theo các yêu cầu của bản vẽ	1- 3 sản phẩm đầu tiên	Thước cặp; Thước mét	Đo trực tiếp trên sản phẩm
Cắt khoét	- Theo các yêu cầu của bản vẽ	1- 3 sản phẩm đầu tiên	Thước cặp; Thước mét	Đo trực tiếp trên sản phẩm
Vào đế	- Theo các yêu cầu của bản vẽ	1- 3 sản phẩm đầu tiên	Thước cặp; Thước mét	Đo trực tiếp trên sản phẩm
Hoàn thiện thô	- Theo các yêu cầu của bản vẽ	1- 3 sản phẩm đầu tiên	Thước cặp; Thước mét	Đo trực tiếp trên sản phẩm
Mạ kẽm nhúng nóng	- Theo yêu cầu của hợp đồng kinh tế	1- 3 sản phẩm đầu tiên	Kiểm soát việc thực hiện của nhà cung ứng	
Hoàn thiện sau mạ	- Theo các yêu cầu của bản vẽ	1- 3 sản phẩm đầu tiên	Máy đo chiều dày lớp mạ	Đo trực tiếp trên sản phẩm

(Nguồn: LITEC)

9. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Công ty trong năm gần nhất và trong kỳ gần nhất

Bảng 3. Cơ cấu doanh thu Công ty giai đoạn 2023-2024

Đơn vị: Đồng

TT	Chỉ tiêu	2023		2024		% tăng giảm 2024/2023
		Giá trị	Tỷ trọng/Tổng doanh thu (%)	Giá trị	Tỷ trọng/Tổng doanh thu	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	148.330.859.449	99,36%	146.506.219.151	99,06%	1,23%
1.1	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	147.798.201.131	99,01%	145.870.247.333	98,63%	-1,30%
1.2	Doanh thu cho thuê	442.007.318	0,30%	459.381.818	0,31%	3,93%
1.3	Doanh thu khác	90.651.000	0,06%	176.590.000	0,12%	94,80%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	949.920.255	0,64%	1.394.275.466	0,94%	46,78%
3	Thu nhập khác	638.300	0,0004%	7.635	0,00001%	-98,80%
	Tổng doanh thu	149.281.418.004	100%	147.900.502.252	100%	-0,92%

(Nguồn: BCTC năm 2023 và 2024 đã được kiểm toán của Công ty)

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty năm 2024 đạt giá trị 146,51 tỷ đồng, trong đó, doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm của Công ty năm 2024 chiếm tỷ trọng chủ yếu với 99,57% tổng doanh thu, doanh thu cho thuê và doanh thu khác lần lượt chiếm tỷ trọng là 0,31% và 0,12%. Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm năm 2024 đạt 145,87 tỷ đồng, giảm 1,93 tỷ tương đương giảm 1,30% so với tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 là 147,80 tỷ đồng, doanh thu cho thuê năm 2024 đạt 459,4 triệu đồng, tăng nhẹ 3,93% so với năm 2023 là 442 triệu đồng

và doanh thu khác đạt 176,6 triệu đồng, tăng 94,80% so với năm 2023 là 90,65 triệu đồng.

Doanh thu của công ty lại cho thấy sự ổn định cao. Doanh thu năm 2023 (148,3 tỷ) và 2024 (146,5 tỷ) gần như tương đương nhau. Điều này cho thấy năng lực sản xuất và lượng đơn hàng tổng thể của Công ty có tính ổn định qua các năm. Tuy doanh thu năm 2024 giảm nhẹ do nhu cầu của các đối tác của Công ty có phần giảm sút nhưng tổng thể doanh thu không thay đổi quá đáng kể.

Ngoài ra, doanh thu hoạt động tài chính của Công ty dù chiếm tỷ trọng nhỏ qua các năm nhưng cũng có sự tăng trưởng 46,78% trong giai đoạn 2023-2024, chủ yếu đến tăng trưởng lãi tiền gửi, lãi cho vay.

Bảng 4. Cơ cấu chi phí Công ty giai đoạn 2023-2024

TT	Chỉ tiêu	2023		2024		% tăng giảm 2024/2023
		Giá trị	Tỷ trọng/Tổng doanh thu (%)	Giá trị	Tỷ trọng/Tổng doanh thu (%)	
1	Giá vốn hàng bán	127.527.742.038	85,43%	123.836.299.631	83,73%	-2,89%
1.1	<i>Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán</i>	<i>127.362.826.752</i>	<i>85,32%</i>	<i>123.665.708.678</i>	<i>83,61%</i>	<i>-2,90%</i>
1.2	<i>Giá vốn cho thuê</i>	<i>164.915.286</i>	<i>0,11%</i>	<i>170.590.953</i>	<i>0,12%</i>	<i>3,44%</i>
3	Chi phí tài chính	10.454.550	0,01%	24.086.567	0,02%	130,39%
4	Chi phí bán hàng	4.569.199.027	3,06%	3.676.340.562	2,49%	-19,54%
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.120.356.507	6,78%	10.184.258.564	6,89%	0,63%
6	Chi phí khác	13.964.581	0,01%	3.000.800	0,002%	-78,51%
	Tổng chi phí	142.241.716.703	95,28%	137.723.986.124	93,12%	-3,18%

(Nguồn: BCTC năm 2023 và 2024 đã được kiểm toán của Công ty)

Tổng chi phí của Công ty năm 2024 đạt hơn 137,72 tỷ đồng, giảm hơn 4,52 tỷ đồng tương đương giảm 3,18% so với năm 2023, tỷ trọng của tổng chi phí chiếm trong khoảng 93%-95% tổng doanh thu các năm.

Tổng giá vốn của Công ty năm 2024 là 123,84 tỷ đồng, giảm 2,89% so với năm 2023 là 127,52 tỷ đồng. Trong đó, chỉ tiêu Giá vốn hàng hóa, thành phẩm chiếm tỷ trọng chính, giá trị đạt 127,36 tỷ đồng, tương ứng 85,32% tổng doanh thu tại năm 2023, giảm nhẹ 2,9% vào năm 2024 là 123,67 tỷ đồng tương ứng 83,61% tổng doanh thu. Giá vốn cho thuê chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong cơ cấu chi phí và có tính ổn định trong hai năm vừa qua. Nhờ khả năng tối ưu hóa chi phí tốt hơn, giá vốn hàng hóa, thành phẩm năm 2024 giảm 2,90% so với năm 2023 trong khi giá vốn cho thuê năm 2024 lại có sự tăng nhẹ với mức tăng 3,44% so với năm 2023. Nhìn chung, hoạt động kiểm soát giá vốn của Công ty thông qua việc tối ưu nguồn cung nguyên vật liệu, kiểm soát các hoạt động logistics đã có những hiệu quả nhất định, giúp tổng Giá vốn hàng bán công ty năm 2024 giảm.

Chi phí tài chính của Công ty chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá trị chi phí, chi phí này chủ yếu tới từ lỗ chênh lệch tỷ giá. Chi phí bán hàng của công ty đạt giá trị hơn 3,67 tỷ tại năm 2024, giảm 19,54% so với năm 2023, chi phí này có sự giảm bớt chủ yếu do Công ty giảm chi phí dịch vụ mua ngoài năm 2024. Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty không có nhiều sự thay đổi với giá trị đạt hơn 10,18 tỷ đồng, tăng 0,63% so với năm 2023. Nhìn chung, các chi phí ngoài chi phí giá vốn hàng bán của Công ty chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ và phù hợp trên tỷ trọng doanh thu thuần.

Bảng 5. Cơ cấu lợi nhuận Công ty giai đoạn 2023-2024

TT	Chỉ tiêu	2023		2024		% tăng giảm 2024/2023
		Giá trị	Tỷ trọng/Tổng doanh thu (%)	Giá trị	Tỷ trọng/Tổng doanh thu (%)	
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.803.117.411	13,94%	22.669.919.520	15,32%	8,97%
1.1	Lợi nhuận gộp bán hàng hóa, thành phẩm	20.435.374.379	13,69%	22.204.538.655	15,01%	8,66%

TT	Chỉ tiêu	2023		2024		% tăng giảm
						2024/2023
1.2	Lợi nhuận gộp và cho thuê	277.092.032	0,19%	288.790.865	0,19%	4,22%
1.3	Lợi nhuận gộp khác	90.651.000	0,06%	176.590.000	0,12%	94,80%
	Lợi nhuận trước thuế	7.039.701.301	4,72%	10.176.516.128	6,88%	44,56%

(Nguồn: BCTC năm 2023 và 2024 đã được kiểm toán của Công ty)

Tổng lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty năm 2024 đạt giá trị 22,67 tỷ đồng tương đương 15,32% tổng doanh thu, trong đó lợi nhuận gộp bán hàng hóa, thành phẩm năm 2024 chiếm 15,01% tổng doanh thu Công ty, lợi nhuận gộp cho thuê và lợi nhuận gộp khác lần lượt chiếm 0,19% và 0,12% tổng doanh thu. Nhờ việc tối ưu hơn trong chi phí giá vốn hàng bán, dù doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm giảm nhưng lợi nhuận gộp bán hàng hóa, thành phẩm lại có sự tăng trưởng với giá trị năm 2024 đạt 22,20 tỷ đồng, tăng 1,77 tỷ đồng, tương đương tăng 8,66% so với năm 2023 là 20,44 tỷ đồng. Ngoài ra, lợi nhuận gộp cho thuê đạt 288,79 triệu đồng, tăng 4,22% so với năm 2023 là 277,09 triệu đồng, lợi nhuận khác do không có chi phí giá vốn nên vẫn giữ nguyên giá trị và tỷ lệ tăng trưởng so với năm 2023. Lợi nhuận trước thuế của Công ty nhờ việc tối ưu hóa chi phí tốt nên có sự tăng trưởng mạnh với giá trị đạt gần 10,18 tỷ đồng tại năm 2024, tăng hơn 3,14 tỷ đồng, tương đương tăng 44,56% so với năm 2023.

10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

10.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico là công ty được thành lập những năm 1996, là một doanh nghiệp có uy tín và thương hiệu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh các sản phẩm chiếu sáng công cộng. Công ty cũng có hệ thống máy móc, thiết bị được đổi mới không ngừng vô cùng hiện đại, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới nhất. Công ty đạt chuẩn chất lượng sản phẩm Quốc tế IEC 59815982 về đèn chiếu sáng và BS 5649 về cột đèn chiếu sáng.

Công ty cổ phần công nghiệp Hapulico có đội ngũ lãnh đạo có nhiều kinh nghiệm về ngành nghề đang SXKD, có hoạch định, tầm nhìn phát triển dài hạn.

Công ty có sự tự chủ về công nghệ dập, đúc, uốn, hàn, cắt, xử lý bề mặt kết hợp với trang thiết bị đồng bộ cùng với hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000 đảm bảo chất lượng sản phẩm của Công ty luôn ổn định và có khả năng sản xuất khối lượng lớn hoặc thay đổi mẫu mã sản phẩm trong thời gian ngắn nhất đồng thời có trình độ tay nghề của công nhân và năng lực tổ chức sản xuất một số sản phẩm điện nội thất đã đạt chuẩn mực Quốc tế.

Hiện nay, Công nghiệp Hapulico vẫn giữ vững vị thế là một trong những nhà thầu chiếu sáng công cộng mạnh nhất Việt Nam với những ưu thế sau:

- Công ty có thể cung cấp dịch vụ chiếu sáng nhân tạo trọn gói từ khâu tiếp thị, đấu thầu, triển khai mua sắm vật tư - thiết bị và thi công, dịch vụ hậu mãi.
- Có tiềm năng tài chính, kỹ thuật và nhân lực để có thể triển khai cùng lúc nhiều công trình có quy mô trung bình và lớn
- Có đội ngũ kỹ sư trình độ chuyên môn cao, năng động, sáng tạo và đầy nhiệt huyết, đội ngũ công nhân lành nghề.
- Hoạt động thầu xây lắp chiếu sáng có sự hỗ trợ đắc lực của hệ thống các xí nghiệp chế tạo cơ khí và xí nghiệp phụ kiện...
- Có hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000

10.2. Triển vọng phát triển của ngành.

Với tốc độ và quy mô mở rộng cơ sở hạ tầng rất nhanh của Việt Nam hiện nay, nhu cầu về hạ tầng chiếu sáng, cột đèn điện và hệ thống chiếu sáng sẽ ngày tăng cao. Tốc độ đô thị hoá mạnh, cùng với hội nhập Quốc tế nên các khu công nghiệp phát triển mạnh các sản phẩm về thiết bị đô thị, chiếu sáng nhân tạo, các kết cấu thép là một nhu cầu không thể thiếu. Chính phủ Việt Nam đang tích cực đẩy mạnh đô thị hóa như đã vạch ra tại Nghị quyết 6 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 148/NQCP. Mục tiêu hướng đến là tỷ lệ đô thị hóa đạt ít nhất 45% vào năm 2025 và vượt mức 50% vào năm 2030. Về mặt kinh tế, các khu vực đô thị được dự đoán sẽ đóng góp khoảng 75% GDP quốc gia vào năm 2025 và 85% vào năm 2030. Các mục tiêu trong tương lai bao gồm phát triển ít nhất 5 khu đô thị quốc tế được kết nối liền mạch với mạng lưới khu vực và toàn cầu vào năm 2045.

Quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ trong những năm gần đây đã tạo tiền đề phát triển cho việc xây dựng và nâng cấp những hệ thống đường sá, giao thông công cộng, quốc lộ, đường cao tốc, khu dân cư và các khu vực công cộng như công viên, quảng trường, bến cảng.... Hạ tầng cơ sở của Việt Nam theo đánh giá còn kém phát triển so với các nước trong khu vực, gây cản trở cho việc phát triển kinh tế của đất nước. Việc phát triển hạ tầng cơ sở bao gồm đường xá, quốc lộ, đường cao tốc là một nhu cầu tất yếu, tạo tiền đề cho việc phát triển kinh tế của cả nước. Điều này tạo ra một thị trường vững chắc cho các ngành cung cấp các sản phẩm dịch vụ công cộng, trong đó lĩnh vực sản xuất và thi công xây lắp các hệ thống chiếu sáng công cộng là một phần không thể tách rời trong việc xây dựng và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng và giao thông công cộng

Bên cạnh đó, sự phát triển của các khu công nghiệp (KCN), khu chế xuất (KCX) cũng là một nhân tố tiêu thụ những sản phẩm của ngành chiếu sáng công cộng nói riêng và ngành xây dựng nói chung. Với định hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, việc xây dựng và phát triển các KCN, KCX trong những năm vừa qua đã được Nhà nước quan tâm và hỗ trợ tích cực. Số lượng các KCN, KCX được cấp phép thành lập và xây dựng ngày càng tăng nhanh. Theo thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến hết năm 2023, Việt Nam có 414 khu công nghiệp, trong đó có 4 khu chế xuất. Tổng diện tích đất là 89.126 ha chiếm 69% diện tích đất công nghiệp. Trong đó, có 293 khu công nghiệp đi vào hoạt động và 121 khu công nghiệp đang trong giai đoạn bền bù, 26 khu kinh tế cửa khẩu, với tổng diện tích 766.000ha được thành lập ở 21 tỉnh biên giới, 18 khu công nghiệp ven biển với 43.000ha diện tích phát triển các khu công nghiệp.

Đây là cơ hội cho ngành chiếu sáng đô thị nói chung và Công nghiệp Hapulico nói riêng có thể phát triển mạnh, tăng trưởng nhanh về mọi mặt trong những năm tới.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số người lao động trong Công ty đến ngày 30/06/2025 là: 117 người. Cụ thể như sau:

Bảng 6. Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/06/2025

TT	Cơ cấu lao động	Số người lao động	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo trình độ học vấn		
-	Đại học và trên đại học	24	20,51%
-	Cao đẳng	6	5,13%
-	Trung cấp	32	27,35%
-	Đã đào tạo qua các trường công nhân kỹ thuật dạy nghề	25	21,37%

TT	Cơ cấu lao động	Số người lao động	Tỷ lệ (%)
-	Lao động chưa qua đào tạo	30	25,64%
	TỔNG CỘNG	117	100%
	<i>Trong đó:</i>		
-	Lao động gián tiếp	38	32,48%
-	Lao động trực tiếp	79	67,52%
II	Phân theo giới tính		
-	Nam	103	88,03%
-	Nữ	14	11,97%

(Nguồn: Công nghiệp Hapulico)

11.2. Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Công ty thực hiện chi trả lương cho người lao động theo quy định của Nhà nước và chính sách tiền lương của Công ty. Tiền lương và tiền thưởng trả cho người lao động tại Công ty căn cứ vào hiệu quả kinh doanh, chức danh công việc và chế độ tiền lương do Công ty quy định nhằm khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Khi thay đổi công việc, thay đổi chức vụ thì hưởng lương theo công việc mới, chức vụ mới.

Khi kết quả sản xuất kinh doanh tăng lên thì tiền lương, thưởng, phụ cấp của người lao động tăng theo hiệu quả thực tế phù hợp với Quỹ tiền lương thực hiện được ban lãnh đạo phê duyệt.

Thu nhập bình quân của CBNV Công ty giai đoạn 2022-2024:

- Năm 2022: 8.843.900 đồng/người/tháng
- Năm 2023: 8.164.000 đồng/người/tháng
- Năm 2024: 9.417.000 đồng/người/tháng

12. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận giữ lại của Công ty. Tỷ lệ cổ tức chi trả hằng năm được thông qua tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ

đồng thường niên, trong 1 vài năm vừa qua, tình hình chi trả cổ tức như sau

Giai đoạn 2022 – 2024, Công ty đều tiến hành chi trả cổ tức với mức chi trả như sau:

Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2022: 5% mệnh giá, bằng tiền mặt (Đã hoàn thành chi trả)

Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2023: 5% mệnh giá, bằng tiền mặt (Đã hoàn thành chi trả)

Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2024: 5% mệnh giá, bằng tiền mặt (Đã hoàn thành chi trả)

13. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam.

13.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

Bảng 7. Tình hình hoạt động kinh doanh Công ty trong giai đoạn 2023 - 2024

Đơn vị: Đồng

TT	Nội dung	31/12/2023	31/12/2024	% tăng giảm 2024/2023
1	Tổng giá trị tài sản	155.487.507.783	159.340.445.578	2,48%
2	Nợ phải trả	24.758.685.206	24.004.577.098	-3,05%
2	Vốn chủ sở hữu	130.728.822.577	135.335.868.480	3,52%
3	Doanh thu thuần	148.330.859.449	146.506.219.151	-1,23%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.053.027.582	10.179.509.293	44,33%
5	Lợi nhuận khác	(13.326.281)	(2.993.165)	-
6	Lợi nhuận trước thuế	7.039.701.301	10.176.516.128	44,56%
7	Lợi nhuận sau thuế	5.760.372.442	8.374.810.269	45,39%
8	Giá trị sổ sách (đồng/ cổ phần)	22.510	23.303	3,52%

(Nguồn: BCTC năm 2023 năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty)

Các giá trị Tổng tài sản, Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu của Công ty giai đoạn 2023-2024 cho tới thời điểm 31/03/2025 đều không có biến động quá nhiều. Doanh thu thuần cũng không biến động quá nhiều, tuy nhiên lại có sự tăng mạnh về lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Việc tăng trưởng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chủ yếu tới từ việc Công ty kiểm soát các loại chi phí tốt hơn, các chi phí về giá vốn và, chi phí bán hàng đều giảm đáng kể, dẫn tới việc lợi nhuận tăng trưởng.

Lợi nhuận khác Công ty có giá trị âm ở giai đoạn 2023 – 2024, tuy nhiên giá trị âm cũng giảm đáng kể qua các năm, chủ yếu tới từ các khoản phạt thuế, hành chính giảm bớt qua các giai đoạn.

13.2. Trích khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định được khấu hao theo Phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh. Thời gian hữu dụng ước tính của các Tài sản cố định như sau:

. Cụ thể như sau:

- Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 -20 năm
- Máy móc thiết bị	5 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	5 – 6 năm
- Phần mềm kế toán	7 năm

13.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty hiện nay không có khoản nợ quá hạn nào, các khoản nợ phải trả ngắn hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn.

13.4. Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty luôn thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế theo quy định của Nhà nước.

Bảng 8. Nghĩa vụ thuế và các khoản nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024
	Các khoản đã nộp	3.583.601.826	2.277.764.647
1	Thuế GTGT	1.212.741.645	302.372.694
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.811.698.731	1.354.389.893
3	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	556.161.450	556.161.450
4	Thuế môn bài	3.000.000	3.000.000

5	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	61.840.610
	Các khoản phải thu	651.519.278	557.389.286
1	Thuế thu nhập cá nhân	651.519.278	557.389.286

(Nguồn: BCTC năm 2023 năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty)

13.5. Trích lập các quỹ

Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do ĐHĐCĐ quyết định, đảm bảo đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ.

Đơn vị tính: Đồng

Bảng 9. Tình hình trích lập các quỹ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024
1	Quỹ đầu tư phát triển	10.352.349.990	10.287.330.766
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.456.591.448	3.958.076.314
	Tổng cộng	14.808.941.438	14.245.407.080

(Nguồn: BCTC năm 2023 năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty)

13.6. Hàng tồn kho:

Bảng 10. Hàng tồn kho

Đơn vị: Đồng

STT	Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024
1	Nguyên liệu, vật liệu	53.024.737.578	50.490.869.468
2	Công cụ, dụng cụ	328.466.048	382.545.703
3	Chi phí SXKD dở dang	-	412.696.252
3	Thành phẩm	20.523.400.500	16.470.196.679
	Tổng cộng	73.876.604.126	67.756.308.102

(Nguồn: BCTC năm 2023 năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty)

13.7. Tình hình nợ phải trả của Công ty

Bảng 11. Các khoản nợ phải trả của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024
----------	------------	------------

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024
Nợ ngắn hạn	24.758.685.206	24.004.577.098
Phải trả người bán ngắn hạn	4.260.367.645	5.087.956.192
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	9.577.130.649	6.967.475.176
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	511.309.800	1.778.421.933
Phải trả người lao động	5.420.681.369	5.908.800.037
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	532.604.295	303.847.446
Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.456.591.448	3.958.076.314
Nợ dài hạn	-	-
Tổng cộng	24.758.685.206	24.004.577.098

(Nguồn: BCTC năm 2023 năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty)

13.8. Tình hình các khoản phải thu của Công ty

Bảng 12. Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Các khoản phải thu ngắn hạn	17.114.392.171	11.556.005.753	15.028.056.990
Phải thu ngắn hạn khách hàng	16.075.943.621	10.703.981.414	13.810.797.108
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.275.806.960	1.039.689.616	1.337.459.835
Phải thu ngắn hạn khác	131.464.190	181.157.323	248.622.647
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(368.822.600)	(368.822.600)	(368.822.600)
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	17.114.392.171	11.556.005.753	15.028.056.990

(Nguồn: BCTC năm 2023 năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty)

13.9. Đầu tư tài chính

Đơn vị: Triệu đồng

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31/12/2023		31/12/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Hapulico (*)	19.138	-	19.138	-

(*) Đây là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản HAPULICO trong đó bao gồm: 8.800.000.000 đồng giá trị góp vốn (tương ứng 2,08% vốn điều lệ) và 10.338.461.125 đồng là số tiền liên quan trực tiếp tới khoản đầu tư trong hồ trợ di dời nhà xưởng của Công ty TNHH Một thành viên Chiêu sáng và Thiết bị đô thị căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh số 999/2007/HĐNTHTKD ngày 10/08/2007 về “Liên kết thực hiện Dự án đầu tư tại số 1 đường Nguyễn Huy Tường, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội”.

❖ **Thông tin chung về Dự án:**

- Tên dự án: Dự án Trung tâm thương mại, văn phòng và nhà ở cao cấp HAPULICO
- Tổng mức đầu tư: 1.100.000.000.000 đồng
- Tổng diện tích: Khu phức hợp được xây dựng trên lô đất rộng khoảng 43.333,2 m²
- Thời gian hoàn thành Dự án: Tháng 6/2011.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Hapulico

14. Tài sản

Bảng 13. Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2024

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)
Tài sản cố định hữu hình	85.006.935.909	9.142.772.759	10,76%
Nhà cửa, vật kiến trúc	35.773.083.841	5.111.733.626	14,29%

Máy móc, thiết bị	44.160.362.977	3.782.170.312	8,56%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4.341.649.728	-	-
Thiết bị, DCQL	731.839.363	248.868.821	34,01%
TSCĐ hữu hình khác	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	486.321.950	-	0%
Phần mềm máy vi tính	312.890.950	-	-
Tài sản cố định vô hình khác	173.431.000	-	-
Tổng cộng	85.493.257.859	9.142.772.759	10,69%

(Nguồn: BCTC năm 2024 kiểm toán của Công ty)

15. Các dự án của Công ty

Không có.

16. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo**Bảng 14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2025**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025		
	Thực hiện	Kế hoạch	% tăng giảm năm 2025 so với năm 2024	Thực hiện 6T/2025
Doanh thu thuần	146,51	150	2,38%	83,47
Vốn chủ sở hữu	135,3	135,3	0%	135,2
Lợi nhuận sau thuế	8,37	5,5	-34,29%	4
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	5,72%	3,67%	-2,05%	4,79%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	6,29%	4,07%	-2,22%	2,96%
Cổ tức (%)	5%	5%	0%	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico)

Căn cứ để xây dựng kế hoạch nêu trên:

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty được lập căn cứ vào dự đoán và ước tính dựa trên các thông tin giả định tại thời điểm lập kế hoạch. Các ước tính này có thể được điều chỉnh khi tình hình thị trường thực tế có nhiều thay đổi. Đồng thời, Công ty xây dựng dựa trên cơ sở kết quả kinh doanh thực hiện năm 2024 của Công ty, trong đó có xét các yếu tố cơ bản khả

năng tài chính và nhân tố nhân sự của Công ty.

Căn cứ vào tình hình thực tế và diễn biến thị trường kinh tế trong và ngoài nước có nhiều biến động, Công ty đã xây dựng các chiến lược cụ thể để đạt được kế hoạch lợi nhuận nêu trên, cụ thể:

- Nhóm sản phẩm cột đèn chiếu sáng công cộng phát huy thế mạnh, với dây truyền sản xuất đồng bộ và hiện đại để đáp ứng ngày càng cao của việc đô thị hoá trên toàn quốc và đáp ứng sự phát triển của cơ sở hạ tầng trong những năm tới.
- Nhóm sản phẩm cột điện cỡ lớn, cột thép phục vụ cho viễn thông, cột biển quảng cáo cỡ lớn phát huy lợi thế về máy móc thiết bị hiện tại để sản xuất chiếm lĩnh thị trường hiện đang và mãi là thế mạnh của Công ty.
- Nhóm sản phẩm đèn chiếu sáng công cộng và chiếu sáng khu công nghiệp Công ty tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh đẩy mạnh đầu tư dây truyền hiện đại nhằm giữ vững vị trí dẫn đầu trong cả nước về thiết kế, sản xuất và cung cấp các sản phẩm.
- Ngoài ra Công nghiệp Hapulico vẫn đang đang đẩy mạnh phát huy nhóm hàng chiếu sáng nội thất xuất khẩu nước ngoài.

Dù Công ty đặt kế hoạch tăng trưởng về doanh thu, tuy nhiên lợi nhuận kế hoạch được Công ty dự đoán giảm so với năm 2024. Vì do một số nguyên nhân chủ đạo ảnh hưởng tới giá thành sản phẩm dưới đây:

+ Hapulico cần dự phòng cho chi phí nguyên vật liệu đầu vào chủ yếu ví dụ như giá thép tăng cao.

+ Số lượng nhân công lao động tuyển mới khó khăn, dẫn tới việc duy trì mức lương cao để giữ chân người lao động cũ và thu hút thêm lao động mới dẫn đến chi phí nhân công phải duy trì ở mức cao.

+ Công ty đầu tư mua máy móc, tài sản cố định mới để tăng năng suất dẫn đến chi phí khấu hao tăng nhưng không giảm được đơn giá nhân công vì để giữ chân người lao động nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục.

Tại thời điểm 6 tháng/2025, doanh thu Công ty đạt 83,47 tỷ đồng, tương đương đạt 55,65% doanh thu kế hoạch năm 2025, lợi nhuận của Công ty đạt 4 tỷ đồng, tương đương đạt 72,73% lợi nhuận kế hoạch, Hapulico về cơ bản đã thành kế hoạch 6 tháng đầu năm 2025 và dự kiến tại thời điểm kết thúc năm 2025, Công ty sẽ hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2025 đã được ĐHĐCĐ Công ty phê duyệt.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...)

Không có.

18. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.

➤ **Tuân thủ pháp luật:**

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được đảm bảo tuân thủ theo các Quy định của Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông đã được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

➤ **Quản lý, công tác tổ chức:**

- Hoàn thiện, củng cố công tác tổ chức và hoạt động của Công ty, kiện toàn bộ máy quản lý với mô hình Công ty cổ phần, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của CBCNV, đảm bảo sự phát triển ổn định bền vững, lâu dài.
- Duy trì, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng hiện có cho phù hợp yêu cầu về sản phẩm và chất lượng sản phẩm.

➤ **Tài chính:**

- Tích cực tạo dựng hình ảnh, vị thế về tài chính nhằm thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư, khách hàng về Công ty và sản phẩm dịch vụ của Công ty khi tham gia đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán.
- Xây dựng cơ chế quản lý tài chính minh bạch, công khai, phục vụ nhu cầu thông tin tài chính cho tất cả các đối tượng.
- Tiến hành liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để phát triển thị trường kinh doanh.

➤ **Hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Trong những năm tới, Công ty sẽ tăng cường nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới để kịp thời cung cấp cho ngành điện các sản phẩm có chất lượng.
- Tận dụng tệp khách hàng sẵn có đã đồng hành cùng Công ty kể từ ngày thành lập đến nay để tiêu thụ các sản phẩm hiện có của Công ty.

➤ **Phát triển nguồn nhân lực:**

- Công ty sẽ chú trọng đào tạo nguồn nhân lực cả về mặt chất lượng và số lượng. Ưu tiên tuyển dụng các lao động trực tiếp có tay nghề vững, cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn đáp ứng yêu cầu của sản xuất trong điều kiện hội nhập kinh tế. Đồng thời trẻ hóa lực lượng cán bộ trong Công ty.
- Quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao động, tạo điều kiện để mọi người hoàn thành tốt công tác, nhiệm vụ.

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty (nếu có).

Không có.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên, bao gồm:

Danh sách Hội đồng quản trị:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Trần Hậu Phượng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông La Quý Hưng	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Ông Phạm Đức Quang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Lê Thanh Hiền	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT không điều hành

Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị:

1.1. Ông Trần Hậu Phượng- Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và Tên	:	Trần Hậu Phượng
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	28/08/1970
Số CMND	:	042070000286
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ liên hệ	:	Căn hộ 2402 tòa nhà 24T2 chung cư Thanh Xuân Complex; Số 6 Lê Văn Thiêm - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội.
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	:	
Từ năm 1994 đến 1997	:	Quản đốc Phân xưởng nhựa - Công ty Chiếu sáng & Thiết bị Đô thị Hà Nội
Từ năm 1997 đến 2003	:	Phó Giám đốc điều hành - Công ty Cổ phần Điện chiếu sáng
Từ năm 2003 đến 2008	:	Giám đốc trung tâm phát triển sản phẩm mới - Công ty TNHH Nhà nước MTV Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị
Từ năm 2008 đến 2011	:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần

		Công nghiệp Hapulico				
Từ năm 2011 đến 2014		:	Phó Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Nhà nước MTV Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị			
Từ năm 2014 đến nay		:	Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico			
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty		:	Chủ tịch Hội đồng quản trị			
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác		:	Không			
Số lượng cổ phần nắm giữ		:	695.120 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 11,97% VDL của Công ty. Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 695.120 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 11,97% VDL của Công ty - Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tương ứng với 0% VDL của Công ty.			
Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan		:				
TT	Họ và tên	Mối quan hệ	Chức vụ tại Công ty	Số CCCD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Đỗ Minh Thủy	Vợ	Không	001171017054	215.863	3,72%
Các khoản nợ với Công ty		:	Không			
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty		:	Không			

1.2. Ông La Quý Hưng –Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc công ty

Họ và Tên	:	La Quý Hưng
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	19/11/1962
Số CCCD	:	019062000017
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Tày

Địa chỉ liên hệ	:	CH2207 tòa 24T3 Thanh Xuân Complex, số 6 Lê Văn Thiêm, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư cơ khí chế tạo, Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:	
Từ năm 1988 đến năm 1990	:	Kế toán viên – Nhà máy đại tu tàu sông số 2 Thanh Trì – Hà Nội thuộc Cục đường Sông bộ Giao Thông Vận Tải
Từ năm 1990 đến tháng 3 năm 1992	:	Kế toán tổng hợp – Nhà máy đại tu tàu sông số 2 Thanh Trì – Hà Nội thuộc Cục đường Sông bộ Giao Thông Vận Tải
Từ tháng 4 năm 1992 đến tháng 10 năm 1999:	:	Phụ trách kế toán – Khách sạn Thủy Tiên thuộc sở Du lịch Hà Nội
Từ tháng 11 năm 1999 đến tháng 11 năm 2002	:	Phó phòng kế toán - Công ty Xe điện Hà Nội thuộc Sở giao thông công chính Hà Nội
Từ tháng 12 năm 2002 đến tháng 3 năm 2004	:	Kế toán tổng hợp - Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Chiếu sáng và thiết bị đô thị
Từ tháng 4 năm 2004 đến nay	:	Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Tổng Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	300.156 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 5,17% VDL của Công ty. Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 300.156 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 5,17% VDL của Công ty - Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tương ứng với 0% VDL của Công ty
Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan	:	Không
Các khoản nợ với Công	:	Không

ty		
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không

1.3. Ông Phạm Đức Quang - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và Tên	:	Phạm Đức Quang
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	10/01/1960
Số CMND	:	001060027611
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ liên hệ	:	Nhà vườn NV08 khu HAPULICO, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, P.Thanh Xuân Trung, Q.Thanh Xuân. TP.Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	:	
Từ tháng 10 năm 1986 đến tháng 10 năm 1989:	:	Cán bộ kỹ thuật - Công ty Môi Trường đô thị Hà Nội
Từ tháng 11 năm 1989 đến tháng 3 năm 1994	:	Phó Quản đốc xưởng cơ khí – Công ty Môi trường Đô thị Hà Nội
Từ tháng 4 năm 1994 đến tháng 3 năm 1997	:	Phó Giám đốc Xí nghiệp Môi trường số 1 – Công ty Môi trường Đô thị Hà Nội
Từ tháng 4 năm 1997 đến tháng 10 năm 2002	:	Giám đốc Xí nghiệp Môi trường Đô thị số 5
Từ tháng 11 năm 2002 đến tháng 8 năm 2004	:	Giám đốc Xí nghiệp Môi trường Đô thị số 3
Từ tháng 9 năm 2004 đến tháng 10 năm 2006:	:	Phó Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh và phát triển thị trường – Công ty Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị
Từ tháng 11 năm 2006 đến tháng 2 năm 2014	:	Giám đốc nhà máy chế tạo thiết bị chiếu sáng – Công ty Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị Hà Nội
Từ tháng 3 năm 2014 đến nay	:	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ	:	Không

ở các tổ chức khác						
Số lượng cổ phần nắm giữ		:	388.048 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 6.68% VDL của Công ty. Trong đó:			
			- Sở hữu cá nhân: 388.048 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 6.68% VDL của Công ty			
			- Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tương ứng với 0% VDL của Công ty			
Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan		:				
TT	Họ và tên	Mối quan hệ	Chức vụ tại Công ty	Số CCCD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Phạm Minh Trang	Con đẻ	Không	001191031418	30.000	0,52%
Các khoản nợ với Công ty		:	Không			
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty		:	Không			

1.4. Bà Lê Thanh Hiền- Thành viên HĐQT

Họ và Tên	:	Lê Thanh Hiền
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	13/04/1960
Số CCCD	:	001160012068
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ liên hệ	:	52 ngõ 191 tổ 6 Minh Khai, Hai Bà Trưng Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân
Quá trình công tác	:	
Từ tháng 6 năm 1981 đến năm 1995	:	Kế toán viên - Công tác tại Công ty Cổ phần Thủy Tạ
Từ năm 1995 đến năm	:	Quyền Trưởng phòng kế toán – Công ty Cổ phần Thủy Tạ

1996		
Từ năm 1996 đến năm 2008	:	Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Thủy Tạ
Từ năm 2009 đến tháng 3 năm 2015	:	Phó Giám đốc – Công ty Cổ phần Thủy Tạ
Từ tháng 4 năm 2015 đến nay	:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	240.795 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 4,15% VDL của Công ty. Trong đó - Sở hữu cá nhân: 240.795 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 4,15 % VDL của Công ty; - Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tương ứng với 0% VDL của Công ty.
Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan	:	

TT	Họ và tên	Mối quan hệ	Chức vụ tại Công ty	Số CCCD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Bùi Duy Minh	Em rể	Không	036062003389	25.400	0,44%
2	Nguyễn Thị Hoàn	Em chồng	Không	024174000129	21.590	0,37%
3	Nguyễn Hoàng Anh	Con trai	Không	001087042778	149.122	2,57%

Các khoản nợ với Công ty	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không

1.5. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh - Thành viên HĐQT

Họ và Tên	:	Phạm Thị Hồng Hạnh
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	15/03/1984
Số CMND	:	001184010177
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ liên hệ	:	43 Yên Phụ, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư vận tải đường bộ
Quá trình công tác	:	
Từ năm 2007 đến 2008	:	Nhân viên điều phối phòng Kỹ thuật Công ty TNHH Zamil Steel Việt Nam
Từ năm 2008 đến 2011	:	Kế toán nội bộ - Kế toán trưởng Công ty TNHH SXTMDV Anh Nguyên
Từ năm 2011 đến nay	:	Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất & Dịch vụ Sen Việt
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Giám đốc - Công ty TNHH Sản xuất & Dịch vụ Sen Việt - Chủ doanh nghiệp
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	404.528 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 6,97% VDL của Công ty. Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 404.528 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 6,97% VDL của Công ty - Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tương ứng với 0% VDL của Công ty.
Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan	:	Không
Các khoản nợ với Công ty	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không

2. Ban Kiểm soát

Tại thời điểm hiện tại, Ban Kiểm soát Công ty có 03 thành viên, cụ thể như sau:

Danh sách Ban Kiểm soát Công ty:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Lê Anh Sơn	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Lại Thị Bích Hoàn	Thành viên Ban Kiểm sát
3	Ông Nguyễn Chiến Thắng	Thành viên Ban Kiểm sát

2.1. Ông Lê Anh Sơn–Trưởng Ban Kiểm soát:

Họ và Tên	:	Lê Anh Sơn
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	23/01/1991
Số CMND	:	042091016132
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ liên hệ	:	P1004, Nơ 6A, bán đảo Linh Đàm,P. Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:	
Từ 3/9/2014 đến 18/5/2017	:	Nhân viên kinh doanh- Công ty cổ phần công nghiệp HAPULICO
Từ 19/5/2017 đến nay	:	Nhân viên kinh doanh, Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Trưởng Ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	155.661 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 2,68 % VDL của Công ty. Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 155.661 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 2.68 % VDL của Công ty - Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tương ứng với

		0% VDL của Công ty
Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan	:	Không có
Các khoản nợ với Công ty	:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không có

2.2. Bà Lại Thị Bích Hoàn – Thành viên Ban Kiểm soát:

Họ và Tên	:	Lại Thị Bích Hoàn
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	17/01/1960
Số CMND	:	034160011901
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ liên hệ	:	Nhà 32 ngõ 68, Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:	
Từ năm 1984 đến năm 2004	:	Cán bộ phòng kế hoạch – Công ty Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị Hà Nội
Từ năm 2005 đến năm 2009	:	Chuyên viên phòng tổ chức lao động – Công ty Chiếu sáng và thiết bị đô thị Hà Nội
Từ năm 2010 đến tháng 1 năm 2015	:	Trưởng phòng Tổ chức – Công ty Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị Hà Nội
Từ năm 2016 đến nay:	:	Thành viên BKS Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên Ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	39.171 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 0,67 % VDL của Công ty. Trong đó - Sở hữu cá nhân: 39.171 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 0,67 % VDL của Công ty - Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tương ứng với

		0% VDL của Công ty
Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan	:	Không
Các khoản nợ với Công ty	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không

2.3. Ông Nguyễn Chiến Thắng – Thành viên Ban Kiểm soát:

Họ và Tên	:	Nguyễn Chiến Thắng
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	21/05/1973
Số CCCD	:	001073017787
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ liên hệ	:	LK13 No18, TDP 5 Ngõ Thị Nhậm, Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư điện, điện tử
Quá trình công tác	:	
Từ năm 1998 đến năm 2011	:	Nhân viên – Phó phòng tổ chức hành chính – Công ty Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị Hà Nội.
Từ năm 2012 đến năm 2013	:	Nhân viên kinh doanh, Phó Giám đốc xí nghiệp kinh doanh phát triển thị trường – Công ty chiếu sáng và thiết bị đô thị.
Từ năm 2014 đến nay	:	Trưởng ban Quản lý Trung tâm thuốc Hapulico – Công ty Cổ phần Bất động sản Hapulico
Từ năm 19/5/2017 đến nay	:	Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên Ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Trưởng ban quản lý trung tâm thuốc Hapulico
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	51.965 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 0,89% VDL của Công ty. Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 51.965 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ

		0,89% VDL của Công ty; - Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tương ứng với 0% VDL của Công ty
Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan	:	Không
Các khoản nợ với Công ty	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không

3. Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông La Quý Hưng	Tổng Giám đốc kiêm – Phó chủ tịch HĐQT
2	Ông Lê Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Phạm Đức Quang	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
4	Bà Tô Thị Thúy Hồng	Kế toán trưởng

3.1. Ông La Quý Hưng -Tổng Giám đốc Công ty kiêm – Phó chủ tịch HĐQT (Đã nêu tại mục 1.2 – Hội đồng quản trị)

3.2. Ông Lê Minh Đức -Phó Tổng Giám đốc Công ty

Họ và Tên	:	Lê Minh Đức
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	07/07/1969
Số CMND	:	001069000379
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ liên hệ	:	Số 11B ngách 259/5 phố Vọng, Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Quản lý kinh tế
Quá trình công tác	:	
Từ năm 1992 đến năm 1993	:	Nhân viên phòng vật tư - Công ty Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị

Từ năm 1993 đến năm 1995	:	Nhân viên phòng kế hoạch - Công ty Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị
Từ năm 1995 đến năm 2000	:	Nhân viên phòng vật tư – Công ty Cổ phần Điện chiếu sáng
Từ năm 2001 đến năm 2004	:	Giám đốc Xí nghiệp phụ kiện - Công ty Cổ phần Điện chiếu sáng
Từ năm 2005 đến năm 2006	:	Nhân viên kinh doanh - Công ty Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị
Từ năm 2007 đến năm 2011	:	Phó phòng kế hoạch tổng hợp - Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico
Từ năm 2012 đến nay	:	Phó tổng giám đốc kiêm trưởng phòng kế hoạch - Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	17.508 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 0,30% VDL của Công ty. Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 17.508 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 0,30% VDL của Công ty - Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tương ứng với 0% VDL của Công ty
Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan	:	Không
Các khoản nợ với Công ty	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không

3.3. Ông Phạm Đức Quang -Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Thành viên HĐQT (Đã trình bày tại mục 3.1 – Hội đồng quản trị)

3.4. Bà Tô Thị Thúy Hồng - Kế toán trưởng Công ty

Họ và Tên	:	Tô Thị Thúy Hồng
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	18/02/1979
Số CMND	:	001179000521
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ liên hệ	:	Tổ 5 Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:	
Từ tháng 9 năm 2001 đến tháng 3 năm 2002:	:	Kế toán tổng hợp - Xí nghiệp cơ điện thuộc Công ty chiếu sáng và thiết bị đô thị.
Từ tháng 3 năm 2002 đến tháng 3 năm 2003:	:	Kế toán tổng hợp Nhà máy chế tạo thiết bị chiếu sáng thuộc Công ty Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị.
Từ tháng 4 năm 2003 đến tháng 10 năm 2011	:	Kế toán tổng hợp - Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico
Từ tháng 11 năm 2011 đến tháng 5 năm 2012	:	Phụ trách kế toán - Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico
Từ tháng 6 năm 2012 đến nay	:	Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	11.007 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 0.19% VDL của Công ty. Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 11.007 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 0,19% VDL của Công ty; - Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tương ứng với 0% VDL của Công ty.
Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên	:	

quan						
TT	Họ và tên	Mối quan hệ	Chức vụ tại Công ty	Số CCCD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Tô Văn Nam	Anh ruột	Không	001073019253	2.133	0,04%
Các khoản nợ với Công ty		:	Không			
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty		:	Không			

4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Rà soát lại toàn bộ bộ máy nhân sự, kiện toàn tổ chức, tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với mô hình mới theo hướng tinh gọn; Tuyển nhân lực có đủ trình độ chuyên môn, năng lực, nhiệt tình công tác phù hợp theo ngành nghề Công ty đã, đang và sẽ hoạt động, đặc biệt trẻ hóa lực lượng lao động có kết hợp với một số cán bộ, nhân viên có trình độ, có năng lực công tác, kinh nghiệm làm việc. Công ty có kế hoạch tiến hành rà soát; xây dựng các quy chế, quy định đảm bảo tuân thủ theo pháp luật, cụ thể:

- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản lý nhằm tăng cường hiệu lực hoạt động của bộ máy, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị: Quy chế quản trị nội bộ công ty; Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT; Các quy chế và quy định nội bộ khác;

- Đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp theo hướng phân quyền cụ thể cho từng cấp quản trị, gắn trách nhiệm với quyền lợi theo hướng đạt hiệu quả cao thì được hưởng lương cao, được đề bạt giữ trọng trách cao hơn trong bộ máy quản lý và ngược lại có biện pháp xử lý khi thực thi công việc không hiệu quả hoặc không đạt kế hoạch được giao;

- Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho CBNV. Chính sách lương, thưởng đảm bảo công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để CBNV phát huy sáng tạo trong công việc;

- Thực hiện nghiêm túc Điều lệ và các quy định theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung;

- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nhân tài;

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về công bố thông tin.

5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, GPND hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty	
I	Hội đồng quản trị						
1	Trần Hậu Phượng	042070000286	08/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	695.120	11,97%	Chủ tịch HĐQT
1.1	Nguyễn Thị Nguyệt	042139005536	06/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Mẹ đẻ
1.2	Đỗ Minh Thủy	001171017054	10/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	215.863	3,72%	Vợ
1.3	Trần Hậu Hiếu	001096011915	10/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Con ruột
1.4	Trần Hậu Trung	001206080431	23/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Con ruột
1.5	Ngô Thị Ngọc Huyền	001196023516	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Con dâu
1.6	Trần Thị Hoa	042165003266	27/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Chị gái
1.7	Trần Thị Tuyết	042169016036	28/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Chị gái
1.8	Đỗ Minh Thuyền	001033001078	09/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Bố vợ

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, GPHĐ hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty	
1.9	Phạm Thị Thịnh	001144003746	09/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Mẹ vợ
2	La Quý Hưng	019062000017	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	300.156	5,17%	Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD công ty
2.1	Dương Thị Nhuận	001139009064	23/05/2023	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Mẹ đẻ
2.2	Nguyễn Thị Kim Dung	001171003294	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Vợ
2.3	La Mai Anh	001194013749	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Con gái
2.4	La Hà Vân	001301012420	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Con gái
2.5	La Thị Dung	019163001019	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Em gái
2.6	Hoàng Minh Tuấn	019063000958	28/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Em rể
2.7	La Quý Hường	019066001100	15/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Em trai
2.8	Hoàng Thị Noi	019168000351	12/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Em dâu
2.9	La Thị Nhung	019170005308	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Em gái

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, GPHĐ hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty	
2.10	Nhữ Hồng Dương	010065000038	22/09/2023	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Em rể
2.11	La Thị Hoa	019173009515	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Em gái
2.12	Bùi Đức Hiền	001076069367	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Em rể
2.13	La Thị Phụng	019175015466	07/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Em gái
2.14	Lương Văn Duy	019073007925	07/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Em rể
2.15	La Quý Hoàng	019078001720	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Em trai
2.16	Phạm Thị Hòe	033178006435	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Em dâu
2.17	Nguyễn Cao Thanh	001041007511	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Bố vợ
2.18	Lê Thị Mùi	030140001370	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Mẹ vợ
3	Phạm Đức Quang	001060027611	19/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	388.048	6,68%	Thành viên HĐQT
3.1	Dương Thị Minh Châu	001160030610	19/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Vợ

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, GPHĐ hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty	
3.2	Phạm Minh Trang	001191031418	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	30.000	0,52%	Con đẻ
3.3	Phạm Quang Hưng	001095000871	10/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Con đẻ
3.4	Bạch Minh	001089021219	24/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Con rể
3.5	Phạm Đức Thắng	001065032471	18/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Em Ruột
3.6	Dương Diệu Huyền	001157013482	10/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Chị dâu
3.7	Nguyễn Thị Kim Tuyết	001161016766	29/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Chị dâu
4	Lê Thanh Hiền	001160012068	08/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	240.795	4,15%	Thành viên HĐQT
2.1	Lê Kim Chi	001155000969	08/08/2014	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Chị gái
2.2	Lê Ngọc Diệp	001057003056	19/5/2015	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Anh trai
2.3	Lê Hoàng Yến	001161003142	12/07/2022	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Chị dâu
2.4	Lê Kim Thanh	001158031061	24/6/2021	Cục CS QLHC về	-	-	Chị gái

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, GPHĐ hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty	
				TTXH			
2.5	Đỗ Quang Văn	001055013774	14/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Anh rể
2.6	Lê Phương Thảo	001162018092	27/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Em gái
2.7	Lê Thị Cẩm Lan	001163018601	10/01/2024	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Em gái
2.8	Lê Quang Hiền	001057015005	10/07/2022	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Em rể
2.9	Hoàng Thị Toàn	024128000001	20/1/2023	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Mẹ chồng
2.10	Nguyễn Thị Mai Hương	001162027432	13/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Em chồng
2.11	Quách Xuân Khoa	035062010163	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Em rể
2.12	Nguyễn Thị Hồng Diệp	024165000244	04/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Em chồng
2.13	Bùi Duy Minh	036062003389	25/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	25.400	0,44%	Em rể
2.14	Nguyễn Sinh Thành	024171002838	29/4/2021	Cục CS QLHC về	-	-	Em chồng

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, GPHĐ hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty	
				TTXH			
2.15	Nguyễn Thị Thu Huyền	001176031698	19/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Em dâu
2.16	Nguyễn Thị Hoàn	024174000129	16/9/2021	Cục CS QLHC về TTXH	21.590	0,37%	Em chồng
2.17	Nguyễn Chí Cường	001072008331	17/5/2016	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Em rể
2.18	Nguyễn Hoàng Hà	001057009095	25/4/2017	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Chồng
2.19	Nguyễn Hoàng Anh	001087042778	20/2/2023	Cục CS QLHC về TTXH	149.122	2,57%	Con trai
2.20	Phạm Vũ Ngọc	034188002030	13/8/2022	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Con dâu
2.21	Nguyễn Lê Hiền Trang	001300025723	23/3/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Con gái
5	Phạm Thị Hồng Hạnh	001184010177	27/02/2024	Cục CS QLHC về TTXH	404.528	6,97%	Thành viên HĐQT
5.1	Dương Diệu Huyền	001157013482	10/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Mẹ đẻ
5.2	Phạm Duy Trí	001043001656	09/07/2021	Cục CS QLHC về	-	-	Bố chồng

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, GPHĐ hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty	
				TTXH			
5.3	Đặng Thị Chín	024143000012	09/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Mẹ chồng
5.4	Phạm Duy Cường	001082030125	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Chồng
5.5	Phạm Châu Anh	Còn nhỏ		Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Con đẻ
5.6	Phạm Duy Long	Còn nhỏ		Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Con đẻ
5.7	Phạm Diệu Hồng	001192022778	10/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Em ruột
5.8	Phạm Ngọc Tân	034091004246	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Em rể
II	Ban Kiểm soát						
1	Lê Anh Sơn	042091016132	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	155.661	2,68%	Trưởng Ban Kiểm soát
1.1	Lê Văn Diệu	042063003532	27/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Bố đẻ
1.2	Trần Thị Hoa	042165003266	27/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Mẹ đẻ
1.3	Trần Đình Sơn	042060001372	10/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Bố vợ

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, GPHĐ hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty	
1.4	Trần Thị Khánh	042171003439	19/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Mẹ vợ
1.5	Trần Minh Ngọc	042191020534	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Vợ
1.6	Lê Văn Gia Huy	Còn nhỏ		Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Con đẻ
1.7	Lê Minh Anh	Còn nhỏ		Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Con đẻ
1.8	Lê Tuấn Anh	042094000159	06/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Em ruột
1.9	Phạm Thị Vân Anh	091194000340	06/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Em dâu
2	Lại Thị Bích Hoàn	034160011901	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	39.171	0,67%	Thành viên Ban Kiểm soát
2.1	Ngô Xuân Tiêm	036050003760	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Chồng
2.2	Ngô Bích Ngọc	001185039618	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Con gái
2.3	Ngô Nam Châu	Q00273436	04/07/2023	Đại sứ quán Việt Nam tại Hy Lạp	-	-	Con trai
2.4	Vũ Anh Tú	001084033757	22/9/2022	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Con rể
2.5	Lại Cao Hiến	034052009843	24/6/2021	Cục CS QLHC về	-	-	Anh trai

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, GPĐD hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty	
				TTXH			
2.6	Lại Mạnh Hùng	034057003639	04/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Anh trai
2.7	Lê Thị Việt Bảo	044157001364	21/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Chị dâu
2.8	Trần Thị Lan	036159008579	22/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Chị dâu
2.9	Nguyễn Văn Kha	027048000126	25/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Anh rể
3	Nguyễn Chiến Thắng	001073017787	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	51.965	0,89%	Thành viên Ban Kiểm soát
3.1	Nguyễn Như Quỳnh	001030000552	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Bố đẻ
3.2	Nguyễn Thị Hiền	001137001495	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Mẹ đẻ
3.3	Đinh Duy Liêm	037050002374	04/03/2022	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Bố vợ
3.4	Vương Thị Vinh	027153001089	16/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Mẹ vợ
3.5	Đinh Thị Hà	024175018100	22/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Vợ
3.6	Nguyễn Hà Trang	001301007362	08/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Con đẻ

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, GPHĐ hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty	
3.7	Nguyễn Văn Khánh	001305031860	01/03/2023	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Con đẻ
3.8	Nguyễn Anh Tuấn	001062003745	10/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Anh ruột
3.9	Nguyễn Thị Bích Loan	001164009286	21/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Chị ruột
3.10	Nguyễn Thị Bích Ngọc	017162000411	03/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Chị dâu
3.11	Nguyễn Thế Dũng	001061002236	21/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Anh rể
III	Ban Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc chức danh tương đương						
1	La Quý Hưng (Nêu tại Mục I – Hội đồng quản trị)						
2	Lê Minh Đức	001069000379	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	17.508	0,30%	Phó Tổng giám đốc
2.1	Đỗ Thị Minh	030139003289	16/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Mẹ đẻ
2.2	Nguyễn Kiều Linh	001177024004	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Vợ
2.3	Lê Minh Hưng	001203001575	25/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Con đẻ
2.4	Lê Minh Quang	còn nhỏ	còn nhỏ	Còn nhỏ	-	-	Con đẻ

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, GPHĐ hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty	
2.5	Lê Minh Hương	001163049969	09/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Chị gái
2.6	Nguyễn Huy Triệu	038046000081	08/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	-	-	Bố vợ
3	Phạm Đức Quang (Nêu tại Mục I – Hội đồng quản trị)						
4	Tô Thị Thúy Hồng	001179000521	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	11.007	0,19%	Kế toán trưởng
4.1	Tô Văn Phương	001046008626	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	0	0%	Bố đẻ
4.2	Nguyễn Thị Lợi	001148018257	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	0	0%	Mẹ đẻ
4.3	Nguyễn Văn Chính	033045000435	29/04/2024	Cục CS QLHC về TTXH	0	0%	Bố chồng
4.4	Nguyễn Thị Miên	033149000846	29/04/2024	Cục CS QLHC về TTXH	0	0%	Mẹ chồng
4.5	Nguyễn Văn Quyết	033081003653	24/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	0	0%	Chồng
4.6	Nguyễn Tuệ Minh	001306007021	01/03/2021	Cục CS QLHC về TTXH	0	0%	Con đẻ

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, GPHĐ hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty	
4.7	Nguyễn Tú Anh	Còn nhỏ	Còn nhỏ	Còn nhỏ	0	0%	Con đẻ
4.8	Tô Thanh Vân	001171018810	29/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	0	0%	Chị ruột
4.9	Nguyễn Quốc Tuấn	001070018083	29/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	0	0%	Anh rể
4.10	Tô Văn Nam	001073019253	10/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	2.133	0,04%	Anh ruột
4.11	Vũ Thị Thúy	035184000119	27/03/2024	Cục CS QLHC về TTXH	0	0%	Chị dâu

6. Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định (các giao dịch liên quan phát sinh trong năm và kỳ gần nhất)

Giao dịch của Công ty và người có liên quan của Công ty toàn bộ đều là những khoản lương và thù lao chi trả cho các cá nhân là người nội bộ của Công ty, cụ thể như sau:

Người nội bộ	Mối quan hệ với Công ty	2023	2024	6T/2025
Trần Hậu Phượng	Chủ tịch HĐQT	630.908.893	650.984.923	413.646.423
La Quý Hưng	Phó Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty	586.929.755	605.391.644	388.637.744
Lê Thanh Hiền	Thành viên HĐQT	45.453.440	42.386.400	24.986.400
Phạm Đức Quang	Thành viên HĐQT, Phó Tổng	524.145.156	539.614.213	344.276.113

	Giám đốc			
Phạm Thị Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT	42.553.440	42.386.400	24.986.400
Lê Anh Sơn	Trưởng Ban Kiểm soát	220.978.873	232.821.817	167.510.017
Nguyễn Chiến Thắng	Thành viên Ban Kiểm soát	35.216.640	35.078.400	20.678.400
Lại Thị Bích Hoàn	Thành viên Ban Kiểm soát	35.216.640	35.078.400	20.678.400
Lê Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	485.411.563	503.121.774	325.286.974
Cộng		2.606.814.400	2.686.863.971	1.730.686.871

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH, CAM KẾT CỦA CÔNG TY

1. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản công bố thông tin công ty đăng ký giao dịch

1.1. Tổ chức Đăng ký giao dịch

- Ông: Trần Hậu Phượng Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông: La Quý Hưng Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Bà: Tô Thị Thúy Hồng Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản Công bố thông tin.

1.2. Tổ chức Tư vấn hồ sơ

- Tên tổ chức tư vấn hồ sơ: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (“VietinBank Securities”)

- Đại diện được ủy quyền:

Ông Phạm Ngọc Hiệp

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy Ủy quyền số 32/2025/GUQ-CKCT ngày 17/03/2025 của Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam).

Bản Công bố thông tin này là một phần của hồ sơ Đăng ký giao dịch do Công Ty Cổ Phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 09/2024/TVPH-ĐLPH/CKCT07-HAPULICO ngày 18/06/2024 ký kết với Công Ty Cổ Phần Công nghiệp Hapulico. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản Công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico cung cấp.

2. Cam kết của công ty

Công ty cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ, chính xác của thông tin tại Bản công bố thông tin và các tài liệu kèm theo.

Sau khi được xác nhận hoàn tất đăng ký giao dịch, công ty tuân thủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Chứng khoán.

IV. NGÀY THÁNG NĂM, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2025

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP HAPULICO

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN HẬU PHƯƠNG

KÊ TOÁN TRƯỞNG



TỔNG GIÁM ĐỐC



LA QUÝ HƯNG



TÔ THỊ THÚY HỒNG

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC 



PHẠM NGỌC HIỆP

PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- 2. Phụ lục II:** Điều lệ Công ty
- 3. Phụ lục III:** Báo cáo tài chính năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán.

